



THỎA THUẬN
“СОГЛАСОВАНО”
Зам.Ген.Директора СП “ВСП”
по МТСиТТ

PHÊ DUYỆT
“УТВЕРЖДАЮ”
Зам.Ген.Директора СП “ВСП”
по коммерции

Яковенко Е.В.

Чан Куок Тханг

HỒ SƠ MỜI THẦU

ДОКУМЕНТЫ ПРИГЛАШЕНИЯ НА ТЕНДРА

**Gói thầu: Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ hàng năm cho Cano cao tốc / Годовой
ремонт портового катера**

Đơn hàng số: DV-3919/25-XNDV

Заявка No. DV-3919/25-XNDV

Loại gói thầu: Dịch vụ phi tư vấn

Вид тендерного пакета: Неконсалтинговые услуги

I. Danh mục hồ sơ mời thầu trình phê duyệt

Список тендерной документации для утверждения:

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần 4. CÁC PHỤ LỤC.

II. Danh mục các tài liệu liên quan đính kèm

Список других документов

1. Đơn hàng / Заявка

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu / План тендера

Виза рабочей группы:

Руководитель рабочей группы

Nguyễn Thanh Quý

Зам. руководителя рабочей группы

Nguyễn Thế Kim

Члены рабочей группы:

XNDV

Đỗ Gia Lương

Hà Anh Việt

Trần Quang Vinh

Hà Xuân Phương

Nguyễn Công Văn

P.KTTB&CNVT

Ngô Quang Hưng

От БО СП

Trần Sơn Tùng

От КО СП

Trịnh Thanh Lâm



HỒ SƠ MỜI THẦU

DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN

MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

Hình thức thực hiện:
Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng



HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

DV-3919/25-XNDV

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ hàng năm cho Cano cao tốc

Dự án (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Kế hoạch tài chính Vietsovpetro năm 2025

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):



MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần 4. CÁC PHỤ LỤC



MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT, cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.

Phần này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.



PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

- Danh mục/Phạm vi cung cấp.
- Yêu cầu kỹ thuật
- Tiêu chí đánh giá kỹ thuật/ Bảng điểm đánh giá kỹ thuật.
- Các tài liệu kỹ thuật khác, đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).



Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL .
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSMT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL .
4. Hành vi bị cấm	4.1 Đưa, nhận, môi giới hối lộ; 4.2 Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào công tác lựa chọn nhà thầu; 4.3 Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc rút Hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký Hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4 Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong Hồ sơ dự thầu nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5 Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm

	<p>toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.</p> <p>4.6 Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Mục 5-CDNT;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định Hồ sơ mời thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;</p> <p>c) Tham gia đánh giá Hồ sơ dự thầu đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;</p> <p>d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia Tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu;</p> <p>đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định Hồ sơ mời thầu; đánh giá Hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện Hợp đồng;</p> <p>e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>f) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;</p> <p>4.7 Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu:</p> <p>a) Nội dung Hồ sơ mời thầu trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung Hồ sơ dự thầu, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng Hồ sơ dự thầu trước khi công khai danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Nội dung yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của Tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p>
--	---



	<p>e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của Quy chế số VSP-000-TM-238.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây: Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 02 triệu USD (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã được kê khai trong Hợp đồng) tính trên giá Hợp đồng đã ký kết (theo quy chế 238).</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;</p> <p>b) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;</p> <p>d) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL.</p> <p>đ) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Vietsovpetro.</p> <p>e) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c, d và điểm e Mục 5.1 E-CDNT.</p> <p>5.3 Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;</p> <p>b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;



	<p>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.</p> <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <p>- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.</p> <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <p>Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.</p> <p>Phần 4. Các phụ lục</p> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm) theo hình thức được quy định tại BDL. Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị</p>



	<p>tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>7.8 Song song với việc làm rõ/ trả lời làm rõ trên Hệ thống, Bên mời thầu/Nhà thầu có thể gửi văn bản bằng đường văn thư/ fax/ email trực tiếp để biết thông tin và chuẩn bị kịp thời hồ sơ tài liệu liên quan.</p>
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL . Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	<p>E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại mục 5 E-CDNT;</p> <p>10.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký HSDT phù hợp theo quy định tại mục 5 E-CDNT.</p> <p>10.6. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.8. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.9. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.10. Chi tiết E-CDNT từ 10.1-10.9 và các nội dung khác được quy định tại E-BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất và các bảng biểu để hoàn thành E-HSDT.



<p>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT</p>	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí... và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
<p>13. Giá dự thầu và giảm giá</p>	<p>13.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu sẽ điền giá dự thầu vào đơn dự thầu trên webform của hệ thống.</p> <p>13.2. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>13.3. Các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ.</p> <p>13.4. Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 Chương IV.</p> <p>13.5. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.6. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.</p>
<p>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p>15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật</p>	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSDT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không</p>



	nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Mục 2 Chương III. Trường hợp nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
18. Bảo đảm dự thầu	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu dưới 20 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (<i>áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro</i>) và đính kèm khi nộp E-HSDT phát hành. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong</p>

liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL**.

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A hoặc Mẫu số 04B hoặc Mẫu số 04C Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp áp dụng Thư bảo lãnh (*Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Bên mời thầu:

a) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

	<p>- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT;</p> <p>- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;</p> <p>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu hoặc đã thương thảo hợp đồng và đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu, hoặc đưa ra những điều kiện khác với các nội dung trong E-HSDT hoặc rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến thương thảo Hợp đồng không thành công trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện Hợp đồng trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc từ chối ký kết Hợp đồng trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày đã hoàn thiện Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p> <p>18.7. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 20 triệu đồng, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản). Trong trường hợp này, nhà thầu phải cam kết nếu được mời vào thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng, kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</p>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p>



	<p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu và Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>21. Mở thầu</p>	<p>21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên</p>



	<p>bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSĐT (nếu cần thiết) và thương thảo hợp đồng, đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSĐT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
23. Làm rõ E-HSĐT	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSĐT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong E-HSĐT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSĐT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSĐT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSĐT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSĐT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSĐT của nhà thầu theo E-HSĐT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSĐT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSĐT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSĐT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSĐT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSĐT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSĐT.</p>
24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	<p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá E-HSĐT:</p> <p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
25. Xác định tính đáp ứng của E-HSĐT	<p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSĐT dựa trên nội dung của E-HSĐT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSĐT đáp ứng cơ bản là E-HSĐT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội</p>



	<p>dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT .</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p>27. Nhà thầu phụ</p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng,</p>



	<p>tiền độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>27.5. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết thì được coi là hành vi “chuyên nhượng thầu”.</p>
<p>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu - Không áp dụng.</p>	<p>28.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi:</p> <p>Nhà thầu có sử dụng số lượng lao động nữ từ 25% trở lên; số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên; số lượng lao động là người dân tộc thiểu số từ 25% trở lên và các nội dung ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.</p> <p>28.2. Cách tính ưu đãi:</p> <p>Xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được đánh giá ngang nhau.</p> <p>28.3. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi thì phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
<p>29. Đánh giá E-HSDT</p>	<p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Bên mời thầu chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá E-HSDT. Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSDT nhà thầu đã nộp.</p> <p>29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “Giá đánh giá” và “Giá thấp nhất”):</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá: tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).



<p>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai trong E-HSDT. - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá; - Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu. - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.</p> <p>e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu và thương thảo hợp đồng.</p> <p>29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất” và các nhà thầu, E-HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào):</p> <p>a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu, nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bên mời thầu tiến hành đánh giá E-HSDT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất căn cứ vào biên bản mở thầu trên Hệ thống. Trường hợp có nhiều nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất bằng nhau thì tiến hành đánh giá tất cả các nhà thầu này.</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.</p> <p>đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng.</p> <p>Trường hợp E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.</p> <p>29. 5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:</p> <p>a) Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSDT nhà thầu đã nộp. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT</p>
--



	<p>không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;</p> <p>b) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu, Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Mục 4 E-CDNT và bị xử lý theo quy định;</p> <p>c) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a và b Mục này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin theo file đính kèm là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p> <p>d) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p>
<p>30. Đối chiếu tài liệu</p>	<p>30.1. Nhà thầu xếp thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu. Nhà thầu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT;</p> <p>b) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>c) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, thiết bị, bằng cấp, chứng chỉ của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, doanh thu từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.</p>
<p>31. Thương thảo hợp đồng</p>	<p>31.1. Việc thương thảo hợp đồng thực hiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>31.2. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá E-HSDT;</p> <p>b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;</p> <p>c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).</p> <p>31.3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào</p>



	<p>thầu theo đúng yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu;</p> <p>31.4. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>c) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 29 E-CDNT;</p> <p>d) Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế trước khi thương thảo hợp đồng), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>31.5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).</p> <p>31.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ thực hiện.</p> <p>31.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT.</p> <p>31.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể thương thảo hợp đồng trực tiếp với bên mời thầu, bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p>
<p>32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>32.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>32.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>32.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3</p>



	<p>Chương III;</p> <p>32.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>32.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>32.6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>
<p>33. Hủy thầu</p>	<p>33.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chí đánh giá đã ghi trong E-HSMT theo quyết định của Chủ đầu tư.</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 Hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu;;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 Hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 33.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 33.1 E-CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33.1 E-CDNT.</p>
<p>34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>34.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p>



	<ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>35. Thay đổi khối lượng dịch vụ</p>	<p>35.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSĐT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>35.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 Luật Đấu thầu.</p>
<p>36. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo mẫu quy định tại Phần 3 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và thông báo trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>37. Điều kiện ký kết hợp đồng</p>	<p>37.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSĐT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>37.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà</p>



	<p>thầu, thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng.</p> <p>37.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
38. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>38.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Phần 3. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>38.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>
39. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	<p>39.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Bên mời thầu.</p> <p>39.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
40. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.</p>



Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: <i>Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro</i>
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: <i>Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ hàng năm cho Cano cao tốc</i> Tên dự án/dự toán mua sắm là: <i>Kế hoạch tài chính Vietsovpetro năm 2025</i>
E-CDNT 3	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): <i>lô 09-1</i>
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: <i>Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro</i>, trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thiết kế kỹ thuật tổng thể: không áp dụng + Tư vấn thẩm định giá: không áp dụng + Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: không áp dụng + Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT: không áp dụng + Tư vấn đánh giá E-HSDT: không áp dụng + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: không áp dụng + Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: không áp dụng <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh.

E-CDNT 7.1	Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu: 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 7.2	Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ E-HSMT đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu thực hiện làm rõ E-HSMT trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: không
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: theo quy định hiện hành của Hệ thống
E-CDNT 10	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu (trích xuất từ hệ thống mạng đấu thầu). - Bảo đảm dự thầu: Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro (chi tiết tại Mục 18 E-CDNT). - Toàn bộ hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp (<i>yêu cầu bản sao được chứng thực hợp lệ của văn phòng công chứng hợp pháp tại Việt Nam</i>); - Thỏa thuận liên danh theo mẫu (nếu có); - Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định; Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định (<i>bao gồm tất cả các thành viên liên danh nếu có</i>); Cơ cấu tổ chức của nhà thầu ... - Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định: các Báo cáo tài chính năm gần nhất, Hợp đồng tương tự và các Biên bản nghiệm thu hoàn thành, Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành, Biên bản thanh quyết toán hợp đồng, Hóa đơn GTGT ... - Toàn bộ phần Hồ sơ đề xuất kỹ thuật: Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu; Danh sách chuyên gia, Lý lịch chuyên gia, tất cả các bằng cấp chứng chỉ cần thiết có liên quan, Giải pháp và phương pháp luận tổng quát, Kế hoạch thực hiện chi tiết, Tiến độ thực hiện công việc ... Catalog hàng hóa, dịch vụ ... - Toàn bộ phần Giá dự thầu bao gồm: bảng tổng hợp và các bảng chi tiết chào giá theo mẫu quy định. - Các tài liệu có liên quan khác (nếu có) ... để cấu thành 01 E-HSDT hoàn chỉnh. <p>Tất cả các tài liệu nộp kèm nêu trên phải được Nhà thầu scan theo định dạng “.pdf”, upload và nộp cùng E-HSDT tại phần đính kèm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p>
E-CDNT 12.1	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.



E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.1	Thẻ thức bảo lãnh dự thầu: Bằng văn bản giấy.
E-CDNT 18.2	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị bảo đảm dự thầu: 4.000.000 VNĐ - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: bằng hiệu lực của E-HSDT cộng thêm 30 ngày lịch - Số tài khoản của Vietsovpetro trong trường hợp thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức đặt cọc/chuyển khoản: 008.100.000001.1 Tên người thụ hưởng: Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro. Tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Vũng Tàu.
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 07 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0% giá dự thầu của nhà thầu (không áp dụng).
E-CNDT 28.1	Các nội dung ưu đãi khác (nếu có): Không áp dụng.
E-CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: - Đánh giá tính hợp lệ: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: kết hợp Đạt/không đạt và chấm điểm. - Đánh giá về tài chính: phương pháp giá thấp nhất
E-CDNT 29.3 (đ)	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất
E-CDNT 31.1	Thương thảo hợp đồng: áp dụng
E-CDNT 32.5	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất
E-CDNT 35.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0% Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0%
E-CDNT 35.2	- Tùy chọn mua thêm: không áp dụng - Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 0%



E-CDNT 39.2	<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền: Ông Vũ Mai Khanh – Tổng giám đốc Vietsovpetro+ Địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, TP.HCM+ SĐT: 0254.3839871- Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn: Không áp dụng
E-CDNT 40	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: tự giám sát



Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B, Mẫu số 4C Chương IV). Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được scan đính kèm trên Hệ thống, Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng với Chủ đầu tư trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND nêu tại E-HSMT để làm cơ sở đánh giá E-

HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của ngân hàng Vietcombank tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.



BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽¹⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế ⁽²⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết cùng với đơn dự thầu
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)*	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 361.659.259 VND. - Tài sản ròng: không yêu cầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành ⁽³⁾ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁴⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm đóng thầu Trong đó: Hợp đồng tương tự là hợp đồng: - Có tính chất tương tự: cung cấp dịch vụ về phương tiện nổi. - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 120.000.000 VND. - Đã thực hiện xong tối thiểu 80% khối lượng công việc.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

Ghi chú:

(1) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

(2) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp E-HSMT được phát hành sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (*Ví dụ: ngày phát hành E-HSMT là ngày 20/3/2025, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022*).

(3) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(4) Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Yêu cầu về nhân sự chủ chốt: theo YCKT (nếu có)

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu: theo YCKT (nếu có)

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Theo nội dung file PDF tiêu chuẩn về đánh giá kỹ thuật đính kèm

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong hai phương pháp dưới đây cho phù hợp:

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Giá dự thầu là:(đã bao gồm thuế GTGT nếu có)

Đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu (nếu có): Trường hợp sử dụng hạn ngạch của Vietsovpetro Lô 09-1, giá dự thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) phát sinh tại Việt Nam và được xét miễn thuế nhập khẩu / Thuế tạm nhập tái xuất và VAT chỉ áp dụng cho giá trị hàng hóa nhập khẩu trên tờ khai hải quan sử dụng Danh mục hàng hóa được miễn thuế dành cho Vietsovpetro Lô 09-1).

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu:

E-HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhằm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

- Lỗi nhằm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc

sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phân chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phân chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: không áp dụng

Mục 6: Quyền đơn phương chấm dứt đàm phán hợp đồng với nhà thầu xếp hạng nhất, trong giai đoạn đàm phán hợp đồng.

Đối với đề xuất hàng hóa, dịch vụ có xuất xứ từ các nước bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang, trong tình trạng chiến tranh, bị trừng phạt hoặc cấm vận và việc nhập khẩu những hàng hóa, dịch vụ đó có thể bị gián đoạn và ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng và tiến độ giao hàng, nhà thầu được yêu cầu giải trình và cam kết về khả năng giao hàng để Vietsovpetro xem xét, đánh giá.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm đó, Vietsovpetro sẽ có toàn quyền xem xét và quyết định từ chối các đề xuất của nhà thầu về hàng hóa, dịch vụ đó, hoặc không tiếp tục đánh giá, nếu Vietsovpetro cho rằng việc thực hiện hợp đồng và lịch trình giao hàng có rủi ro. Trong trường hợp đó, Vietsovpetro có toàn quyền quyết định ngừng đàm phán hợp đồng, và mời nhà thầu có thứ hạng tiếp theo liền kề vào đàm phán hợp đồng.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01 Phạm vi cung cấp	Scan đính kèm lên Hệ thống (Riêng Mẫu số 2 – Đơn dự thầu: webform và scan đính kèm)	X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
4	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
5	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)			X
6	Mẫu số 04C. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro</i>)			X
7	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
8	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
9	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
10	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
11	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
12	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu			X
13	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
14	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
15	Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc gói thầu			X
16	Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện			X
17	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)			X
18	Mẫu số 11. Bảng giá dự thầu		X	

PHẠM VI CUNG CẤP
(theo nội dung danh mục hàng hóa dịch vụ được nêu trong Phần 4: các phụ lục)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ ^(*)	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ hàng năm cho Cano cao tốc	Theo YCKT	1	gói	Tại Cảng Vietsovpetro, số 69 đường 30/4 Phường Rạch Dừa, TPHCM	

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4): Bên mời thầu ghi chi tiết Danh mục dịch vụ phù hợp với Danh mục dịch vụ theo Yêu cầu kỹ thuật/ hoặc ghi rõ tham chiếu theo Danh mục dịch vụ thuộc Yêu cầu kỹ thuật theo Phụ lục số của E-HSMT để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(*) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V (nếu có).



Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống và Scan đính kèm theo E-HSDT)

ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế _____, cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu: _____ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: _____ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;

8. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

9. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38.1 E-CDNT của E-HSMT;

10. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽³⁾;

11. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ

hơn 20 triệu đồng, không nộp tiền mặt, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

Ghi chú:

- (1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.
- (2) Trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này;
- (3) Đối với gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.



THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: _____

Gói thầu: _____

Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: _____

Căn cứ⁽¹⁾ _____

Căn cứ⁽¹⁾ _____

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ với số E-TBMT: _____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;



- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[*-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng cho cả liên danh trong trường hợp liên danh trúng thầu;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Thực hiện tất cả các nghĩa vụ của liên danh không được nêu trong Bảng phân công trách nhiệm giữa các thành viên liên danh ở mục 3 dưới đây;

- Thực hiện các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu	Giá trị theo tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- Công việc 1: _____ - Công việc 2: _____ - Công việc 3: _____	_____ %	_____ VNĐ
2	Tên thành viên thứ 2	- Công việc 1: _____ - Công việc 2: _____ - Công việc 3 _____	_____ %	_____ VNĐ
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%	_____ VNĐ

3. Phương thức thanh toán cho liên danh trong trường hợp trúng thầu và ký hợp đồng với chủ đầu tư như sau:

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán trực tiếp cho từng thành viên liên danh theo tiến độ thanh toán được quy định trong hợp đồng với giá trị được phân chia tương ứng với tỷ lệ khối lượng công

việc đã được các thành viên liên danh thống nhất và nêu trong cột (4) Bảng phân công trách nhiệm ở mục 2 của thỏa thuận liên danh này.

- Từng thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn hợp pháp đúng với phần giá trị công việc đã được thành viên liên danh đó thực hiện theo tiến độ từng đợt thanh toán được qui định trong hợp đồng.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Trong trường hợp liên danh trúng thầu, Thỏa thuận liên danh này là một phần không tách rời của hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư và chỉ chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và thanh lý xong hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____ theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết⁽⁴⁾ không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:**

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSĐT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, hoặc đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng

cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSMT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSMT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết⁽⁴⁾ không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:**

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, hoặc đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]

vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSĐT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là có điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)

Ngày: (Ngày ký hồ sơ mời thầu)
Tên gói thầu:..... (Tên gói thầu theo hồ sơ mời thầu)
Tên dự án: (Tên dự án)
Hồ sơ mời thầu số: VT/DV-.....
Kính gửi: _____ (tên đầy đủ và địa chỉ của người đại diện)

Căn cứ vào gói thầu nêu trên, chúng tôi [ghi tên nhà thầu] xin xác nhận như sau:

1. Thay vì nộp Bảo đảm dự thầu do ngân hàng phát hành, [điền tên nhà thầu] thực hiện bảo đảm dự thầu cho [tên gói thầu] bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro một khoản tiền đặt cọc tương đương với số tiền Bảo đảm dự thầu. được chỉ định trong E-HSMT, là [chỉ định bằng số, bằng chữ và loại tiền gửi]
2. Nhà thầu xác nhận rằng Nhà thầu sẽ tuân thủ tất cả các điều kiện theo quy định tại mẫu Bảo đảm dự thầu của E-HSMT. (Trường hợp Nhà thầu xác nhận không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo mẫu Bảo đảm dự thầu trong HSMT thì hồ sơ dự thầu của Nhà thầu sẽ không được đánh giá)
3. Sau [điền thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu] ngày kể từ ngày đóng thầu....., Vietsovpetro sẽ chuyển số tiền đặt cọc trên vào tài khoản của [điền tên nhà thầu]. [điền tên nhà thầu] sẽ chịu trách nhiệm thanh toán mọi khoản phí ngân hàng liên quan đến việc chuyển nhượng này.

4. Tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro:

Tên người thụ hưởng: Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro

Ngân hàng thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu

Số tài khoản: 008.100.00000.11 (VNĐ)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Nhà thầu đính kèm Ủy nhiệm chi hoặc văn bản chứng minh đã chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro kèm theo thư này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Đối với mỗi hợp đồng tương tự nhà thầu phải kê khai thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư] [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng] [ghi địa chỉ e-mail]	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾		
1. Loại dịch vụ	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]	
3. Quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu điền đầy đủ thông tin nhân sự chủ chốt, lý lịch, kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự trong E-HSĐT]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu.



BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			



BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định khoản 2.1 Mục 2 Chương III

- Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.
- Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (nhà thầu điền nội dung này)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = Tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm. Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như liên kết công ty mẹ - công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.



PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSMT.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾
1			
2			
...			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.
- Cột (8): Nhà thầu điền

Mẫu số 10A (Scan đính kèm trên Hệ thống)

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Giá trị công trình xây dựng/hạng mục công trình	Thời gian bảo hiểm	Thời gian bảo hiểm do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.
- Cột (6): Nhà thầu điền



BẢNG GIÁ DỰ THẦU

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						
Tổng cộng:						
<p><i>Tổng giá dự thầu đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam</i></p> <p><i>Trường hợp nhà thầu nhập khẩu hàng hóa trực tiếp: giá trị hàng hóa không bao gồm thuế GTGT và thuế nhập khẩu của giá trị hàng hóa nhập khẩu ghi trên tờ khai hải quan. Thuế GTGT và thuế nhập khẩu trên được miễn theo Hiệp định liên Chính phủ.</i></p>						

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.
- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.
- Cột (7): Nhà thầu tính toán.
- **Hàng hóa sử dụng hạn ngạch để nhập khẩu Hàng hoá (sử dụng Quota) Lô 09-1: Giá trị Hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu, thuế GTGT của giá trị hàng hóa nhập khẩu ghi trên Tờ khai Hải quan nhưng đã bao gồm toàn bộ các thuế, phí và chi phí phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.**



Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu kỹ thuật và Phạm vi cung cấp được nêu tại Phụ lục đính kèm theo HSMT.



Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 12. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng.

Mẫu số 13. Dự thảo hợp đồng.



THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư _____ [*ghi tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], Bên mời thầu _____ [*ghi tên Bên mời thầu*] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là _____ [*ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: _____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm _____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng, trường hợp hoàn thiện hợp đồng trên Hệ thống thì nêu rõ*];

- Thời gian ký kết hợp đồng: _____ [*ghi thời gian ký kết hợp đồng*]; tại địa điểm _____ [*ghi địa điểm ký kết hợp đồng*], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 14 – Biểu mẫu hợp đồng của E-HSMT với số tiền _____ và thời gian hiệu lực _____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG

Số: _____/24/T-N5-TTL/CNTT1-_____

V/v: Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ hàng năm cho Cano cao tốc
(Đơn hàng: DV-3919/25-XNDV)

Căn cứ vào nhu cầu của Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro và khả năng cung cấp dịch vụ của

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm 2025, các bên gồm:

BÊN A: LIÊN DOANH VIỆT – NGA VIETSOVPETRO

- Địa chỉ: 105 Lê Lợi, phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu
- Điện thoại: 0254.3839871
- Fax: 0254.3839857
- Tài khoản số: 008.100.000.0011 tại Ngân hàng Ngoại thương VN, CN Vũng Tàu.
- Mã số thuế: 3500102414
- Đại diện: Trần Quốc Thắng – Phó Tổng Giám Đốc làm đại diện

(Theo Giấy ủy quyền của Tổng Giám đốc Vietsovpetro số 77/UQ-PL ngày 18-03-2025)
(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**”)

BÊN B:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Tài khoản số:
- Mã số thuế:
- Đại diện:

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**”)

Hai Bên thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG



Bên B đồng ý thực hiện dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng định kỳ hàng năm cho Cano cao tốc dịch vụ cảng (sau đây gọi tắt là Dịch vụ) của Bên A theo khối lượng công việc được ghi trong Phụ lục 1 (gồm ___ trang) - là phần không tách rời của hợp đồng này.

ĐIỀU 2. THỜI GIAN THỰC HIỆN DỊCH VỤ

Dịch vụ được thực hiện trong vòng 60 ngày làm việc, kể từ ngày bàn giao Cano cho đến ngày HAI BÊN ký biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, trừ các ngày như sau:

- Những ngày ngừng thực hiện Dịch vụ do các trường hợp bất khả kháng theo Điều 10 của hợp đồng này.
- Những ngày ngừng thực hiện Dịch vụ theo yêu cầu của Bên A.

Trong trường hợp thời hạn thực hiện thực tế tăng so với hợp đồng, hai bên lập biên bản xác định nguyên nhân và phía chịu trách nhiệm. Việc gia hạn thời gian thực hiện Dịch vụ chỉ có giá trị khi được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Bên A.

ĐIỀU 3. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 3.1. Trước khi đưa Cano vào sửa chữa, Bên B có trách nhiệm lập qui trình sửa chữa bảo dưỡng để lãnh đạo XNDV phê duyệt (Phụ lục 7). Bên B có trách nhiệm hoàn tất thực hiện Dịch vụ theo các hạng mục nêu trong Phụ lục 1, theo yêu cầu kỹ thuật của Bên A và đúng qui trình đã được lãnh đạo XNDV phê duyệt.
- 3.2. Vật tư, phụ tùng Bên B cấp để thực hiện Dịch vụ phải được đại diện Bên A (Nhóm giám sát) kiểm tra trước. Các vật tư phụ tùng này được đại diện XNDV kiểm tra và giao lại cho Bên B quản lý và sử dụng trong quá trình thực hiện Dịch vụ. Danh mục vật tư được trình bày theo mẫu của Bên A để thuận lợi trong việc kiểm tra và giám sát.
- 3.3. Bên B phải trang bị giàn giáo chuyên dụng, các thiết bị chuyên dụng, dụng cụ, đồ nghề cần thiết đảm bảo thực hiện Dịch vụ theo đúng yêu cầu kỹ thuật của Bên A và Đăng kiểm (nếu có). Việc bảo quản giàn giáo, các trang thiết bị, dụng cụ, đồ nghề này trong quá trình vận chuyển do Bên B chịu trách nhiệm.
- 3.4. Bên B phải mua bảo hiểm cho người và trang thiết bị của Bên B trong suốt quá trình thực hiện Dịch vụ.
- 3.5. Bên B phải áp dụng các biện pháp công nghệ cần thiết để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về vấn đề môi trường theo luật lệ hiện hành.

Bên B có trách nhiệm thực hiện các nội quy, quy định tại cảng của Bên A trong thời gian thực hiện dịch vụ, tuân thủ tuyệt đối các quy định về an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam cũng như của Bên A (theo Danh mục các tài liệu về ATSKMT có hiệu lực của Bên A), trong đó lưu ý các văn bản sau:

“Quy chế về quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường đối với các nhà thầu làm việc trên các công trình của Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro” (VSP-000-ATMT-448).

“Quy trình quản lý chất thải của Liên doanh Việt-Nga “Vietsovpetro” (VSP-000-ATMT-435).

Bên B phải ra quyết định bằng văn bản cử người chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát an toàn lao động trong suốt quá trình thực hiện công việc. Người chịu trách nhiệm trực tiếp kiểm tra, giám sát an toàn lao động phải là người có trình độ, chuyên môn phù hợp, có kiến



thức về an toàn lao động có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm công việc tương tự (kèm theo các chứng chỉ huấn luyện giám sát an toàn đã trải qua). Bên B phải lập Danh sách nhân viên làm việc trên công trình kèm theo các giấy chứng nhận về an toàn:

- Các chứng chỉ hoàn thành các khóa đào tạo về an toàn liên quan đến công việc thực hiện của người phụ trách an toàn, người phụ trách công việc và của công nhân/người lao động theo quy định của Nghị định 44/NĐ-2016 ngày 15/5/2016 của Thủ tướng chính phủ;

- Chứng chỉ nghề của nhân viên làm việc theo quy định của pháp luật và phù hợp với công việc thực hiện;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe làm việc do Trung tâm Y tế Vietsovpetro hoặc của các cơ sở y tế khác cấp theo quy định của Nhà nước;

- Cán bộ công nhân viên của Bên B khi làm việc trong khu vực Cảng: phải được huấn luyện an toàn cơ bản tại Trung tâm an toàn & bảo vệ môi trường (TTAT&BVMT) của Bên A và được cấp Thẻ an toàn theo quy định. Nếu đã được học “khóa huấn luyện an toàn cơ bản - ứng phó nguy cấp ngoài khơi” – BOSIET tại trung tâm OPITO công nhận và có chứng chỉ còn hiệu lực thì không phải qua hướng dẫn ban đầu tại TTAT&BVMT, chứng chỉ BOSIET được sử dụng thay cho thẻ an toàn.

- 3.6. Bên B chịu trách nhiệm Kiểm tra sơ bộ tình trạng hoạt động của Cano, đối với các hệ thống của Cano có thông số kỹ thuật hoạt động trong phạm vi cho phép sẽ tiến hành bảo trì, còn những các các hệ thống có thông số kỹ thuật không đảm bảo sẽ lập danh sách ghi rõ tình trạng, các vật tư cần thay thế và trình đơn vị chủ quản để đưa vào sửa chữa.
- 3.7. Sau khi Bên B lập biên bản xác nhận tình trạng hư hỏng cần sửa chữa của Cano. Trên cơ sở đó, Bên A (đại diện là XNDV) cùng Bên B thỏa thuận, xác lập khối lượng công việc và lập danh mục cần sửa chữa, thay thế.
- 3.8. Sau khi bảo dưỡng, sửa chữa Cano các thông số vận hành phải đảm bảo duy trì tình trạng hoạt động bình thường, ổn định ở mọi chế độ vận hành và ghi vào phiếu bảo dưỡng. Các thiết bị sau khi sửa chữa sẽ được đại diện của Bên A (đại diện là XNDV) kiểm tra và nghiệm thu lập biên bản
- 3.9. Bên B có trách nhiệm chứng minh năng lực và kinh nghiệm của mình như quy định tại Yêu cầu kỹ thuật.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 4.1 Đại diện Bên A (XNDV, Phòng Tàu thuyền & Vận tải công nghệ) có trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình Bên B thực hiện Dịch vụ. Trong quá trình giám sát đại diện Bên A có quyền đình chỉ các công việc Bên B thực hiện không đúng với quy trình công nghệ, kỹ thuật sửa chữa và báo cáo cho Lãnh đạo Bên A xin chỉ thị.
- 4.2 Bên A bằng chi phí của mình đảm bảo cầu, điện, nước.....để Bên B thực hiện Công việc.
- 4.3 Các vật tư, phụ tùng do Bên A và Bên B cấp khi thực hiện Dịch vụ phải được giao nhận bằng văn bản có xác nhận của đại diện Bên A (XNDV và nhóm giám sát, ghi rõ họ tên, chức vụ) và đại diện Bên B theo mẫu trong Phụ lục 3 của hợp đồng này.
- 4.4 Bên A cung cấp cho bên B Danh mục các tài liệu về An toàn, sức khỏe, môi trường (ATSKMT) có hiệu lực trong Vietsovpetro và kiểm soát việc Bên B tuân thủ các quy định trong các tài liệu này.



- 4.5 Sau khi hoàn thành phần Dịch vụ theo yêu cầu, Bên B thông báo cho Bên A bằng văn bản trước khi tổ chức nghiệm thu. Việc nghiệm thu do đại diện Bên A thực hiện cùng với việc lập Biên bản nghiệm thu trình lãnh đạo Bên A phê duyệt. Biên bản nghiệm thu được phê duyệt là cơ sở thanh toán của các bên.
- 4.6 Bên A tổ chức đánh giá (Audit) công tác an toàn sức khỏe môi trường của Bên B trước khi Bên B thực hiện Dịch vụ. Bên B chỉ được bắt đầu công việc khi kết quả Audit đạt yêu cầu cũng như khắc phục các kiến nghị của Đoàn Audit của Bên A.

ĐIỀU 5. CHẤT LƯỢNG SỬA CHỮA VÀ BẢO HÀNH

- 5.1 Bên B có trách nhiệm thực hiện các công việc sửa chữa đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu của nhà sản xuất và của Đăng kiểm.
- 5.2 Bên B phải bảo hành miễn phí 12 tháng đối với các công việc sửa chữa ghi ở điều 1 kể từ ngày hai bên ký biên bản bàn giao hoàn thành công việc. Riêng đối với những khu vực làm sạch 100%, yêu cầu Bên B phải bảo hành phần sơn 18 tháng. Bên B chịu trách nhiệm Bảo hành vật tư thiết bị cung cấp mới, lắp mới, thay mới cho Bên A trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bàn giao.
- 5.3 Trong thời hạn bảo hành nếu Bên A phát hiện có hư hỏng, sai sót về chất lượng, về kỹ thuật thì phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho Bên B biết để cùng nhau xác minh. Việc xác minh phải được tiến hành không chậm quá 15 ngày kể từ ngày Bên B nhận được văn bản.
- 5.4 Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về sự cố hư hỏng, nếu Bên B không trả lời thì coi như đã chấp nhận về sự cố hư hỏng là do lỗi của Bên B. Trong trường hợp này, để không ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất bằng chi phí của Bên B, Bên A có quyền ký hợp đồng với nhà thầu (nhà thầu trong nước) để sửa chữa khắc phục hư hỏng đồng thời thông báo cho Bên B biết bằng văn bản.
- 5.5 Toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa khắc phục hư hỏng tại mục 5.4 trên Bên B phải thanh toán cho Bên A.

Điều 6: Giá trị và thanh toán.

- 6.1. **Giá trị:**
Giá trị của hợp đồng này là: **VND (Bằng chữ: Đồng)**, đã bao gồm thuế GTGT

Giá chi tiết nêu trong Phụ lục 1 “Bảng giá chi tiết” là phần không tách rời của hợp đồng này.

- 6.2. Sau khi Biên bản nghiệm thu được Lãnh đạo Bên A phê duyệt, hai bên sẽ tiến hành quyết toán khối lượng công việc thực hiện thực tế và lập Biên bản thanh/quyết toán. Bên A thanh toán cho Bên B giá trị công việc thực hiện trong vòng 30 ngày trên cơ sở hóa đơn và các chứng từ tài liệu sau :
- Công văn đề nghị thanh toán của bên B (bản gốc).
 - Hoá đơn tài chính hợp lệ (bản gốc).
 - Biên bản của Hội đồng nghiệm thu được Lãnh đạo Bên A phê duyệt (bản gốc).
 - Biên bản quyết toán được lãnh đạo Bên A phê duyệt (bản gốc).
 - Hồ sơ quyết toán được lãnh đạo Bên A phê duyệt (bản gốc).
 - Cam kết bảo hành theo điều 5 của hợp đồng (bản gốc).
 - Biên bản nhận Cano vào sửa chữa (Phụ lục 5 - bản gốc).
 - Biên bản bàn giao Cano sau sửa chữa (Phụ lục 6 - bản gốc).



- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (bản sao).
- 6.3. Việc thanh toán được thực hiện bằng đồng Việt Nam
- 6.4. Việc chuyển tiền khi thanh toán hợp đồng được thực hiện theo tài khoản của Bên B nêu trong công văn đề nghị thanh toán.

Điều 7 : An toàn, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

- 7.1. Cảng trưởng của Bên A chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Cano trong thời gian thực hiện Dịch vụ. Bên B có trách nhiệm chấp hành các nội quy, quy định của bên A trong suốt thời gian thực hiện công việc. Nếu xảy ra hư hỏng, mất mát, sự cố gây thiệt hại tài sản và người của Bên A do lỗi Bên B thì Bên B chịu trách nhiệm bồi thường theo Điều 11.
- 7.2. Cảng trưởng của Bên A chịu trách nhiệm về an toàn, phòng chống cháy nổ chung trong thời gian thực hiện công việc. Bên B chịu trách nhiệm về an toàn, phòng chống cháy nổ tại vị trí thi công và chịu trách nhiệm về việc áp dụng các phương pháp an toàn sản xuất trong suốt quá trình thực hiện công việc. Đối với công việc có thể gây cháy nổ Bên B chỉ được thực hiện khi có sự cho phép bằng văn bản của Cảng trưởng Bên A.
- 7.3. Bên B chịu trách nhiệm chấp hành các quy định về an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dịch vụ. Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm về mọi vấn đề liên quan tới an toàn cho người và thiết bị của mình trong thời gian thực hiện Dịch vụ.
- 7.4. Bên B tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:
- Chấp hành các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường, về quản lý chất thải theo Nghị định 38/2015/NĐ-CP và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT.
 - Có danh mục nhận diện các loại chất thải thông thường và nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện công việc và thực hiện thu gom, phân loại, lưu giữ theo hướng dẫn tại Quy trình quản lý chất thải của Bên A (tài liệu số VSP-000-ATMT-435). Nghiêm cấm việc không phân loại chất thải hoặc để chất thải rơi vãi ra môi trường.
 - Tùy theo quy mô, tính chất công việc mà Bên B tự trang bị hoặc đề nghị bên A hỗ trợ thùng chứa chuyên dụng riêng biệt cho chất thải thông thường và chất thải nguy hại để sử dụng trên công trình.
 - Các chất thải sau khi được phân loại, lưu giữ trong các thùng chuyên dụng phải được bên B chuyển đi xử lý khi đầy hoặc với tần suất 1 lần/tuần. Trường hợp bên B không thể tự thực hiện việc chuyển chất thải đi xử lý, các thùng chứa chất thải phải được chuyên giao đến điểm tập kết chất thải của bên A tại công trình để bên A chuyển đi xử lý theo quy trình quản lý chất thải của bên A. Việc giao nhận phải được lập thành biên bản do đại diện có thẩm quyền của hai Bên cùng ký (nội dung gồm loại chất thải và khối lượng). Các biên bản này sẽ là cơ sở để Bên A tính chi phí vận chuyển chất thải và thuê xử lý cho Bên B (điều khoản này được áp dụng nếu có chất thải trong quá trình thực hiện dịch vụ).
 - Bên B chịu mọi trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến sai sót trong việc quản lý chất thải thuộc phạm vi công việc của mình.

- 7.5. Bên A giao cho Xí nghiệp Dịch Vụ, TTAT&BVMT cùng các phòng ban chức năng của Bên A kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định trong Quy chế quản lý an toàn sức khỏe môi trường đối với các nhà thầu làm việc trên các công trình của Bên A. TTAT&BVMT và Xí nghiệp Dịch Vụ không ít hơn 01 lần trong 02 tuần tổ chức kiểm tra định kỳ công tác an toàn sức khỏe môi trường của Bên B.
Bên B có trách nhiệm khắc phục ngay không điều kiện tất cả các kiến nghị của đoàn kiểm tra an toàn sức khỏe môi trường của Bên A.

Điều 8 : Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

- 8.1 Trong trường hợp Bên B chậm hoàn thành dịch vụ so với thời hạn quy định của Bên A do lỗi của mình thì phải chịu phạt ở mức 0,2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày lịch quá hạn.
- 8.2 Đối với các công việc hoàn thành không đảm bảo yêu cầu chất lượng hợp đồng thì Bên B có trách nhiệm thực hiện lại bằng chi phí của mình hoặc Bên A từ chối thanh toán giá trị các công việc đó. Trong trường hợp Bên A từ chối thanh toán các phần việc không đảm bảo chất lượng thì Bên B phải chịu phạt 8% giá trị các công việc đó.
- 8.3 Giá trị tính phạt không bao gồm thuế GTGT và tổng số tiền phạt không vượt quá 8% giá trị quyết toán hợp đồng này (không bao gồm thuế GTGT).
- 8.4 Nếu Bên B chậm thực hiện dịch vụ quá 60 ngày lịch so với thời gian quy định tại điều 2 của hợp đồng này, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, thì Bên A có quyền:
- a) Chỉ định bên thứ 3 có khả năng cung cấp hàng hóa/hàng hoá kèm dịch vụ. Trong trường hợp đó Bên B có trách nhiệm ký hợp đồng với bên được chỉ định để tiếp tục thực hiện công việc cung cấp cho bên A.
- Hoặc;
- b) Trực tiếp ký hợp đồng mua hàng/hàng hoá kèm dịch vụ của Bên thứ 3 để tiếp tục thực hiện công việc của hợp đồng. Trong trường hợp đó Bên B phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có.
- Hoặc;
- c) Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và trong trường hợp này Bên B phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% giá trị của hợp đồng bị vi phạm.
- 8.5 Để thu hồi khoản tiền phạt vi phạm, Bên A sẽ toàn quyền: 1) khấu trừ khoản tiền phạt vi phạm từ các khoản tiền mà Bên A sẽ thanh toán cho Bên B tại Hợp đồng này hoặc theo các hợp đồng khác được ký kết giữa hai bên; 2) Yêu cầu Ngân hàng cấp Bảo đảm thực hiện hợp đồng thanh toán ngay khoản tiền Bên B mở bảo lãnh cho Bên A ; 3) Bằng văn bản, yêu cầu Bên B thanh toán. Trong mọi trường hợp, Bên B cam kết nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình cho Bên A.

Điều 9: Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- 9.1 Trong vòng 07 ngày làm việc sau khi ký hợp đồng (ghi tại trang 01 của hợp đồng), Bên B phải gửi cho Bên A Bảo đảm thực hiện hợp đồng với nội dung và điều khoản theo Phụ lục số 4 của hợp đồng này, được cấp bởi Ngân hàng có uy tín. Giá trị Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 03% tổng giá trị hợp đồng, có hiệu lực bằng thời hạn thực hiện hợp đồng này cộng thêm 30 ngày lịch
- 9.2 Các chi phí liên quan tới việc phát hành Bảo đảm thực hiện hợp đồng do Bên B chịu.
- 9.3 Trong thời gian quy định tại mục 9.1 nêu trên, Bên B phải nộp bản gốc bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên A. Nếu sau thời gian quy định nói trên, bên A không nhận được bảo lãnh

thực hiện Hợp đồng thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và thu hồi tiền bảo lãnh dự thầu của Bên B hoặc áp dụng quy định tại mục 8.4 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 10: Bất khả kháng

- 10.1 Nếu bất kỳ một sự kiện bất khả kháng nào như: chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, thiên tai (lũ lụt, hỏa hoạn, động đất, sóng thần) xảy ra, ngăn cản một bên thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo Hợp đồng này thì thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài thêm bằng thời gian mà sự kiện bất khả kháng diễn ra.
- 10.2 Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 02 tháng, mỗi bên đều có quyền chấm dứt Hợp đồng này mà không phải bồi thường bất cứ một khoản tiền nào cho bên kia.
- 10.3 Bên không thực hiện được nghĩa vụ theo hợp đồng do ảnh hưởng trực tiếp bởi các sự kiện bất khả kháng phải ngay lập tức thông báo cho bên kia biết. Việc thông báo chậm hơn 15 ngày sau khi bất khả kháng xảy ra làm cho bên gặp bất khả kháng mất quyền miễn trách sau này vì lý do bất khả kháng.
- 10.4 Văn bản xác nhận của Phòng Thương mại/ hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng là bằng chứng đủ để chứng minh sự kiện và thời gian xảy ra bất khả kháng.
Các khó khăn trong sản xuất như thiếu vật tư, điện, nhân công... không được coi là bất khả kháng và không miễn cho Bên B nghĩa vụ thực hiện hợp đồng này.

ĐIỀU 11: Trách nhiệm pháp lý và bồi thường tổn thất

- 11.1 Bên B có trách nhiệm bảo quản và trông coi máy móc, vật tư, trang thiết bị, tài sản của Bên A bàn giao cho Bên B trong khi suốt quá trình thực hiện Dịch vụ. Bên B chịu trách nhiệm về mọi mất mát hoặc hư hỏng vật tư trang thiết bị này, Bên A không phải chịu bất cứ trách nhiệm gì liên quan đến việc quản lý, bảo vệ an toàn cháy nổ trong quá trình thi công thuộc phạm vi công việc của Bên B cho đến khi dịch vụ được hoàn thành.
Mọi mất mát hoặc hư hỏng vật tư trang thiết bị, sự cố gây thiệt hại cho tàu, tài sản của Bên A do lỗi Bên B thì Bên B phải chịu bồi thường đến 5.000 USD (Năm ngàn Đô La Mỹ), ngoài ra bên B phải bồi thường cho Bên A những tổn thất, thiệt hại vật chất không được bồi thường theo các đơn bảo hiểm hiện có của Bên A.
- 11.2 Bên A đảm bảo cho Bên B và người của Bên B được miễn trách trước các cơ quan pháp luật và không phải bồi hoàn bất kỳ một khoản chi phí (kể cả chi phí pháp lý) nào đối với những hư hỏng, mất mát, thương tật, tử vong hay mất tích đối với người và tài sản của Bên A (ngoại trừ tài sản liên quan đến Cano thì tuân theo điều 12.1 và các điều khoản khác) với bất kỳ nguyên nhân gì kể cả do lỗi của Bên B (ngoại trừ do lỗi cố ý của Bên B) trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng này.
- 11.3 Bên B đảm bảo cho Bên A và người của Bên A được miễn trách trước các cơ quan pháp luật và không phải bồi hoàn bất kỳ một khoản chi phí (kể cả chi phí pháp lý) nào đối với những hư hỏng, mất mát, thương tật, tử vong hay mất tích đối với người và tài sản của Bên B với bất kỳ nguyên nhân gì kể cả do lỗi của Bên A (ngoại trừ do lỗi cố ý của Bên A) trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng này.
- 11.4 **Tổn thất hậu quả:** Không bên nào chịu trách nhiệm đối với bên kia và cả hai bên đồng ý biện hộ, bảo vệ và đảm bảo cho bên kia được miễn trách đối với tất cả những thiệt hại mang tính hậu quả phát sinh hay có liên quan đến việc thực hiện hay không thực hiện hợp đồng



này bao gồm: việc mất cơ hội kinh doanh, thua lỗ, ngừng sản xuất, tổn thất sản phẩm, chi phí bảo hiểm.

ĐIỀU 12: Bảo hiểm

- 12.1 Bên B phải mua và duy trì bảo hiểm trách nhiệm người sửa chữa với hạn mức bảo hiểm không thấp hơn 5.000 USD.
- 12.2 Bên B phải mua và duy trì bảo hiểm cho người, tài sản phù hợp với luật pháp Việt Nam và thông lệ quốc tế, tối thiểu phải bao gồm các loại bảo hiểm và mức trách nhiệm như quy định dưới đây:
- a) Bảo hiểm trách nhiệm của người sử dụng lao động / Bảo hiểm người lao động (Employer's Liability / Workmen's Compensation Insurance).
 - b) Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba, phạm vi bảo hiểm gồm: bảo hiểm thương tật và bảo hiểm thiệt hại vật chất đối với tài sản.
 - c) Bên B phải bảo hiểm cho mọi rủi ro mà thường vẫn được bảo hiểm đối với các Thiết bị phục vụ thi công (như thiết bị nâng, thiết bị áp lực, thiết bị cao thế...), bao gồm cả các phương tiện vận tải, do Bên B hay các nhà thầu phụ của mình sử dụng liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng, theo giá thị trường của các thiết bị đó và phù hợp với Luật pháp.
- 12.3 Chậm nhất là 14 (mười bốn) ngày kể từ ngày có hiệu lực của Hợp đồng, Bên B phải gửi cho Bên A các tài liệu làm bằng chứng về hiệu lực của những loại bảo hiểm thuộc trách nhiệm của Bên B theo Điều 12 bao gồm bản sao đơn bảo hiểm, bằng chứng về việc thanh toán phí bảo hiểm và các tài liệu liên quan khác (nếu có); trong trường hợp Bên B không nộp các loại bảo hiểm liên quan, Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Bên B.
Bên B phải tuân thủ những điều kiện quy định trong mỗi đơn bảo hiểm và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm về việc không tuân thủ của mình.

ĐIỀU 13: Giải quyết tranh chấp

- 13.1 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa hai bên trên tinh thần hợp tác, hai bên cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau.
- 13.2 Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng thì, tùy thuộc thỏa thuận của hai bên ký hợp đồng, sẽ được đưa ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Hà Nội để phân xử theo Quy tắc tố tụng của Trung tâm này. Phán quyết của Trung tâm trọng tài là cuối cùng và buộc hai bên phải tuân thủ.

ĐIỀU 14: Điều khoản chung

- 14.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản quy định trong hợp đồng này. Không bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này cho bên thứ ba mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia
- 14.2 Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với hợp đồng này đều phải được hai bên thỏa thuận bằng văn bản. Mọi giao dịch trong quá trình thực hiện Hợp đồng được các Bên thực hiện bằng văn bản và gửi theo đường bưu chính hoặc email tới địa chỉ email của mỗi Bên đã ghi trong hợp đồng và email đến địa chỉ email theo mẫu Phụ lục số 8 (a, b) kèm theo



- 14.3 Những điều khoản không quy định hoặc quy định chưa đầy đủ trong hợp đồng này, hai Bên sẽ thực hiện theo pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 14.4 Hợp đồng và các tài liệu dẫn chiếu được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:
- (1) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
 - (2) Thư chấp thuận Hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng;
 - (3) Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu (nếu có);
 - (4) Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có);
- 14.5 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng Bên B mở bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (ngày hiệu lực của bảo lãnh) và hoàn thành việc ký Hợp đồng nhưng không muộn hơn 07 ngày làm việc so với ngày được ghi trên Hợp đồng và tiếp tục cho đến khi hai bên thực hiện hết trách nhiệm của mình như quy định trong hợp đồng.
- 14.6 Sau khi hợp đồng hết hiệu lực nếu hai bên không có khiếu kiện gì coi như hợp đồng được thanh lý. Hợp đồng này gồm trang và phụ lục (trong đó phụ lục 01 gồm trang) được lập thành 05 bản tiếng Việt và đều có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHỤ LỤC 01

BẢNG GIÁ CHI TIẾT SỬA CHỮA CANO CAO TỐC



PHỤ LỤC 2

KÈM THEO HỢP ĐỒNG SỐ

KÝ NGÀY ... THÁNG NĂM

Tên dự án:

Наименование судна:

BIÊN BẢN BÀN GIAO VẬT TƯ, PHỤ TÙNG LOẠI RA KHI THỰC HIỆN DỊCH VỤ

АКТ ПЕРЕДАЧИ-ПРИЕМКИ СТАРЫХ МАТЕРИАЛОВ И СЗЧ ПРИ УСЛУГЕ

Theo hợp đồng số : Ký ngày :

Согласно экономдоговора № От :

Phần công việc (vỏ, máu, điện...) :

Часть работы (корпус, мех.часть, электрочасть) :

Số hạng mục công việc :

№ пункта в основ.ведомость.....

Ngày : Họ tên cán bộ giám sát :

Дата : Фамилия заведующего:

Vật tư, phụ tùng giao nhận (ghi rõ tên, số lượng):

Материалы и СЗЧ сданы (указать название сорт и количество):

STT П/П	Tên vật tư, phụ tùng Наименование работ	Đơn vị tính Ед.изм- ния	Số lượng Количество	Ghi chú Примеч.

Đại diện Bên A

Представители СП

- Ban chỉ huy

- Sỹ quan phụ trách – Заведующий офицер

Đại diện bên B

Представители Стороны Б



PHỤ LỤC 4

đính kèm Hợp đồng số:

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Ngày tháng năm

Kính gửi:

Liên quan tới Hợp đồng _____ về việc _____ (sau đây được gọi là “Hợp đồng”) được ký giữa _____ (sau đây gọi là “BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH”) và _____ (sau đây gọi là “BÊN THỤ HƯỞNG”), chúng tôi, _____ có trụ sở chính tại _____ (sau đây gọi là “BÊN BẢO LÃNH”) phát hành Thư bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện cho bên thụ hưởng với số tiền là _____ (Bằng chữ: _____) (sau đây gọi là “THƯ BẢO LÃNH”).

THƯ BẢO LÃNH này có hiệu lực kể từ ngày phát hành và sẽ duy trì hiệu lực cho đến _____ sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực". Đối với bất cứ sự gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng Hợp đồng vượt quá thời gian được quy định trong THƯ BẢO LÃNH này, BÊN THỤ HƯỞNG sẽ không cần phải thông báo hoặc được sự đồng thuận của BÊN BẢO LÃNH. THƯ BẢO LÃNH này sẽ được gia hạn dựa trên yêu cầu bằng văn bản từ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH để đảm bảo cho thời gian gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng của Hợp đồng.

BÊN BẢO LÃNH cam kết không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán ngay cho BÊN THỤ HƯỞNG một khoản tiền hay những khoản tiền, theo chỉ thị của BÊN THỤ HƯỞNG, tổng không vượt quá số tiền bảo lãnh nêu trên trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của BÊN THỤ HƯỞNG ghi rõ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Sau Ngày hết hiệu lực, THƯ BẢO LÃNH này sẽ tự động không còn giá trị cho dù bản gốc THƯ BẢO LÃNH và các Thư sửa đổi liên quan (nếu có) có được gửi trả lại BÊN BẢO LÃNH hay không.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi BÊN BẢO LÃNH cho BÊN THỤ HƯỞNG cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH hoặc của BÊN BẢO LÃNH hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH và BÊN THỤ HƯỞNG về hoặc liên quan tới Hợp đồng hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

BÊN BẢO LÃNH hoặc BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH sẽ không được giải trừ bất cứ nghĩa vụ nào theo THƯ BẢO LÃNH này cho dù có bất cứ sự sửa đổi, thay đổi, thanh toán sai lệch, gia hạn nào liên quan tới Hợp đồng hay bất kỳ sự trì hoãn ân hạn nào của BÊN THỤ HƯỞNG trong hoặc liên quan đến bất cứ vấn đề gì của Hợp đồng.

Việc đòi tiền nhiều lần theo bảo lãnh này là được phép và theo đó, Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ tự động giảm tương ứng với số tiền mà Ngân hàng đã thực hiện thanh toán cho Bên thụ hưởng theo Thư bảo lãnh.

Thư bảo lãnh được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thư bảo lãnh sẽ [do Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật] / [sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC].

NGÂN HÀNG BẢO LÃNH
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 5

BIÊN BẢN BÀN GIAO CANO VÀO SỬA CHỮA

Hôm nay ngày tháng năm vào lúc giờ phút chúng tôi gồm

Đại diện bên A

Ông Chức danh

Ông Chức danh

Đại diện bên B

Ông Chức danh

Ông Chức danh

Cùng nhau thông nhất bàn giao Cano
việc sửa chữa theo HĐ số

cho Công ty để tiến hành công

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Ký tên

Ký tên



PHỤ LỤC 6
BIÊN BẢN BÀN GIAO CANO SAU SỬA CHỮA

Hôm nay ngày tháng năm vào lúc giờ phút chúng tôi gồm

Đại diện bên A

Ông Chức danh

Ông Chức danh

Đại diện bên B

Ông Chức danh

Ông Chức

Cùng nhau thống nhất xác nhận bàn giao Cano cho đại diện VSP sau khi hoàn thành công việc sửa chữa theo HĐ số..... sau khi chạy thử và thoả mãn các YCKT.

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Ký tên

Ký tên



PHỤ LỤC 7
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

“PHÊ DUYỆT”
Giám đốc XN DV

____/____/202__

QUI TRÌNH SỬA CHỮA CANO

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHỤ LỤC SỐ 08 (A)
HỢP ĐỒNG SỐ /2__/T-N5/NIP11-

MẪU THƯ TÍN GIAO DỊCH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Ngày tháng năm 20..

Kính gửi: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro/Nhà thầu.
(ghi địa chỉ số Fax của Bên giao dịch)

Người nhận: **Họ và Tên + Chức danh của Lãnh đạo VSP ký hợp đồng**
Sao gửi: **Lãnh đạo Phòng Thương mại VSP**

Email: lamtt.hq@vietsov.com.vn và quynt.hq@vietsov.com.vn

(Nội dung giao dịch về: Thay đổi về Hàng hoá/Dịch vụ, tiến độ, sử dụng Quota, các nội dung liên quan tới giá trị HĐ, thanh toán.....)

ĐẠI DIỆN BÊN
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 08 (B)
MẪU THƯ TÍN GIAO DỊCH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Ngày tháng năm 20..

Kính gửi: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro/Nhà thầu.
(ghi địa chỉ số Fax của Bên giao dịch)

Người nhận: Phòng Thương mại VSP/ XN Dịch vụ Cảng và CUVTTB/ Phòng VTTB/ Phòng ATSKMT.

Email: lamtt.hq@vietsov.com.vn và quynt.hq@vietsov.com.vn

(Nội dung giao dịch: Thông báo giao hàng, gửi chứng từ hàng hóa, thông báo bắt đầu thực hiện công việc..., thông tin về nhân sự/thiết bị thực hiện)

ĐẠI DIỆN BÊN
(Ký tên và đóng dấu)



THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Kính gửi:

Liên quan tới Hợp đồng _____ về việc _____ (sau đây được gọi là “Hợp đồng”) được ký giữa _____ (sau đây gọi là “BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH”) và _____ (sau đây gọi là “BÊN THỤ HƯỞNG”), chúng tôi, _____ có trụ sở chính tại _____ (sau đây gọi là “BÊN BẢO LÃNH”) phát hành Thư bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện cho bên thụ hưởng với số tiền là _____ (Bằng chữ: _____) (sau đây gọi là “THƯ BẢO LÃNH”).

THƯ BẢO LÃNH này có hiệu lực kể từ ngày phát hành và sẽ duy trì hiệu lực cho đến _____ sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực". Đối với bất cứ sự gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng Hợp đồng vượt quá thời gian được quy định trong THƯ BẢO LÃNH này, BÊN THỤ HƯỞNG sẽ không cần phải thông báo hoặc được sự đồng thuận của BÊN BẢO LÃNH. THƯ BẢO LÃNH này sẽ được gia hạn dựa trên yêu cầu bằng văn bản từ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH để đảm bảo cho thời gian gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng của Hợp đồng.

BÊN BẢO LÃNH cam kết không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán ngay cho BÊN THỤ HƯỞNG một khoản tiền hay những khoản tiền, theo chỉ thị của BÊN THỤ HƯỞNG, tổng không vượt quá số tiền bảo lãnh nêu trên trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của BÊN THỤ HƯỞNG ghi rõ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Sau Ngày hết hiệu lực, THƯ BẢO LÃNH này sẽ tự động không còn giá trị cho dù bản gốc THƯ BẢO LÃNH và các Thư sửa đổi liên quan (nếu có) có được gửi trả lại BÊN BẢO LÃNH hay không.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi BÊN BẢO LÃNH cho BÊN THỤ HƯỞNG cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH hoặc của BÊN BẢO LÃNH hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH và BÊN THỤ HƯỞNG về hoặc liên quan tới Hợp đồng hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

BÊN BẢO LÃNH hoặc BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH sẽ không được giải trừ bất cứ nghĩa vụ nào theo THƯ BẢO LÃNH này cho dù có bất cứ sự sửa đổi, thay đổi, thanh toán sai lệch, gia hạn nào liên quan tới Hợp đồng hay bất kỳ sự trì hoãn ân hạn nào của BÊN THỤ HƯỞNG trong hoặc liên quan đến bất cứ vấn đề gì của Hợp đồng.

Việc đòi tiền nhiều lần theo bảo lãnh này là được phép và theo đó, Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ tự động giảm tương ứng với số tiền mà Ngân hàng đã thực hiện thanh toán cho Bên thụ hưởng theo Thư bảo lãnh.

Thư bảo lãnh được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thư bảo lãnh sẽ [do Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật] / [sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC].

THƯ BẢO LÃNH này được phát hành duy nhất 01 (một) bản và không được phép chuyển nhượng.

NGÂN HÀNG BẢO LÃNH

(Ký tên và đóng dấu)



BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

(không áp dụng)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

[*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] ở ____ [*ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hoàn thành việc cung cấp dịch vụ quy định trong hợp đồng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

1) **Phụ lục 1** : Yêu cầu kỹ thuật

2) **Phụ lục 2** : Bảng khối lượng mời thầu

Yêu cầu nhà thầu chào đúng, đủ và chính xác đơn vị tính theo Bảng khối lượng mời thầu chi tiết.

3) **Phụ lục 3** : Tiêu chí đánh giá kỹ thuật



Signed by: Яковенко Евгений
Владимирович
Date: 22.10.2025 13:10:28
Certified by: Vietsovpetro CA

Яковенко Е.В

YÊU CẦU KỸ THUẬT
THUÊ DỊCH VỤ BẢO DƯỠNG VÀ SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM
CANO CAO TỐC – NĂM 2025
ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ
ДЛЯ АРЕНДА УСЛУГ ПО ТЕХНИЧЕСКОМУ ОБСЛУЖИВАНИЮ И
РЕМОНТУ ВЫСОКОСКОРОСТНОГО КАТЕРА – 2025г.

1. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG DỊCH VỤ/ ЦЕЛЬ И ОБЛАСТЬ
ИСПОЛЬЗОВАНИЯ УСЛУГИ:

1.1. Mục đích sử dụng/ *Цель использования:*

- Nhằm đảm bảo vận hành an toàn, tăng tuổi thọ cho Cano và phù hợp với qui định của cục Đăng kiểm hàng hải đối với phương tiện đường thủy.

Для обеспечения безопасной эксплуатации увеличьте ожидаемый срок службы катера и соблюдения правил Морского регистра для водных транспортных средств.

1.2. Đặc điểm kỹ thuật dịch vụ / *Техническая спецификация услуг:*

STT <i>№</i>	Tên phương tiện <i>Название автомобиля</i>	Năm sản xuất <i>Год изг.</i>	Nhà sản xuất <i>Производитель</i>	Ghi chú <i>Примечание</i>
1	Ca nô cao tốc <i>Высокоскоростной катер</i> - Ký hiệu/ <i>Символ:</i> VSP – PORT - Số ĐK/ <i>Рег. номер:</i> BV – 1096 - D6-330A-F; S/N: A228619 và A236310; - Số máy/ <i>Номер двигателя:</i> 2 máy - Công suất/ <i>Мощность:</i> 660 CV - KT: 10,9 x 4,41 x 1,5 x 0,75 m - vỏ bằng hợp kim nhôm/ <i>корпус из алюминиевого сплава;</i> - <i>Вùng hoạt động:</i> SB	2013	Kanter Marine Inc/ Canada	

1.3. Điều kiện môi trường làm việc/ *Условия рабочей среды:*

- Khí hậu môi trường biển, nhiệt đới nóng ẩm.



Морская среда, жаркий, влажный тропический климат.

- Nhiệt độ môi trường 30°C – 40°C
Температура среды 30°C – 40°C
- Độ ẩm tương đối đến 95%.
Относительная влажность – до 95%.

2. YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI DỊCH VỤ/ ОБЩИЕ ТРЕБОВАНИЯ К УСЛУГЕ:

2.1. Chu kỳ bảo dưỡng: Bảo trì định kỳ 12 tháng/lần (01 lần/năm).

Период обслуживания: 12 месяцев/раз (01 раз в год)

2.2. Phạm vi và khối lượng công việc: như danh mục công việc đính kèm theo.

Область и объем работ: в приложенном списке работ.

Nhà thầu cần báo giá theo từng hạng mục công việc.

Подрядчикам необходимо предоставить цены на каждый пункт работы.

2.3. Kiểm tra sơ bộ tình trạng hoạt động của Cano, đối với các hệ thống của Cano có thông số kỹ thuật hoạt động trong phạm vi cho phép sẽ tiến hành bảo trì, còn những các các hệ thống có thông số kỹ thuật không đảm bảo sẽ lập danh sách ghi rõ tình trạng, các vật tư cần thay thế và trình đơn vị chủ quản để đưa vào sửa chữa

Предварительная проверка рабочего состояния катера, системы и агрегаты катера имеют допустимые технические характеристики, для проведения обслуживания. Системы с неудовлетворительными характеристиками подлежат ремонту согласно плану, который составляется и отправляется подразделению на согласование

2.4. Sau khi nhà thầu lập biên bản xác nhận tình trạng hư hỏng cần sửa chữa của Cano. Trên cơ sở đó, XNDV cùng nhà thầu thỏa thuận, xác lập khối lượng công việc và lập danh mục cần sửa chữa, thay thế.

Подрядчик формирует и подтверждает акт о необходимости устранения повреждений катера. На этом основании ПОСОМ и подрядчик вместе согласовывают, устанавливают объем работ и составляют список элементов, подлежащий ремонту или замене.

2.5. Sau khi bảo dưỡng, sửa chữa Cano các thông số vận hành phải đảm bảo duy trì tình trạng hoạt động bình thường, ổn định ở mọi chế độ vận hành và ghi vào phiếu bảo dưỡng

После обслуживания и ремонта Катера, рабочие параметры должны быть стабильными во всех рабочих режимах с занесением в листе проведенного технического обслуживания.

Các thiết bị sau khi sửa chữa sẽ được đại diện của đơn vị XNDV kiểm tra và nghiệm thu lập biên bản. *После ремонта, оборудование будет проверено и принято представителем ПОСОМ с составлением акта приемки выполненных работ.*

2.6. Có các khuyến nghị về bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế vật tư sau khi thực hiện nhằm đảm bảo tính ổn định hệ thống.

Наличие рекомендации по обслуживанию, ремонту и замене материалов после выполнения для обеспечения стабильности системы.

2.7. Thời hạn bảo hành dịch vụ: 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu giữa các bên.

Срок гарантии: 12 месяцев с даты подписания акта приемки

2.8. Địa điểm thực hiện dịch vụ: Tại Cảng Vietsovpetro, số 69 đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP Vũng tàu.

Место выполнения услуги: в Порту Вьетсовпетро, 69 ул. 30/4, Тханг Няп, г. Вунгтау.

3. CÁC TIÊU CHUẨN VỀ DỊCH VỤ/ СТАНДАРТЫ ДЛЯ УСЛУГИ:

3.1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu biển QCVN 42:2015/BGTVT.

3.2. Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện nội thủy nội địa Việt Nam: thông tư số: 48/2015/TT-BGTVT

Циркуляр, регулирующий регистрацию транспортных средств внутреннего водного транспорта во Вьетнаме: Циркуляр № 48/2015/TT-BGTVT.

4. YÊU CẦU VỀ KHỐI LƯỢNG DỊCH VỤ/ ТРЕБОВАНИЯ К ОБЪЕМУ УСЛУГИ:

Nhà thầu cam kết cung cấp trọn gói dịch vụ bao gồm các vật tư chính và vật tư tiêu hao (như sơn, dung môi, rửa lau, phụ tùng...) kèm theo các chứng chỉ vật liệu cho các vật tư chính (như danh mục công việc đính kèm).

Подрядчик обязуется предоставить полный пакет услуг, включая основные материалы и расходные материалы (такие как краска, растворители, ветошь, запасные части...), а также сертификаты на материалы для основных материалов (в соответствии с прилагаемой ведомостью работ).

5. YÊU CẦU ĐỐI VỚI VẬT TƯ KÈM THEO DỊCH VỤ/ ТРЕБОВАНИЯ К МТР ДЛЯ УСЛУГИ:

5.1. Nhà thầu lập danh mục vật tư cần thay thế theo từng hạng mục công việc đảm bảo đủ số lượng (như danh mục công việc đính kèm);

Подрядчик готовит список МТР, которые необходимо заменить для каждого элемента работ для обеспечения количества МТР (список работ прилагается).

5.2. Hàng hóa phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, chủng loại, ký mã hiệu, xuất xứ rõ ràng ... (Nhà thầu phải duy trì việc truy xuất nguồn vật tư trong suốt quá trình sửa chữa cho đến khi nghiệm thu và bàn giao).

Товар должен соответствовать стандартам, типам с четким происхождением и т.д. (Подрядчик должен поддерживать отслеживаемость материалов на протяжении всего процесса ремонта до приемки и передачи)

5.3. Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, được sản xuất không trước Quý 1 năm 2024;

МТР 100% новые, не использовалась, произведены не ранее квартала 2024 года.

5.4. Vật tư, thiết bị kèm theo dịch vụ phải được kiểm tra trước khi đưa vào lắp đặt

MTP, оборудование сопровождающие услуги, должны быть проверены передонтажом

**6. YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN ĐỐI VỚI TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ, VẬT TƯ TIÊU HAO DO NHÀ THẦU CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ/
ОСНОВНЫЕ ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ К ОБОРУДОВАНИЯМ, ИНСТРУМЕНТАМ, РАСХОДНЫМ МТР, ПРЕДОСТАВЛЯЕМЫМ ПОДРЯДЧИКОМ ДЛЯ ВЫПОЛНЕНИЯ РАБОТ:**

6.1. Trang thiết bị, dụng cụ phải ở trong tình trạng kỹ thuật hoàn hảo, có đầy đủ chứng chỉ kiểm định/hiệu chuẩn theo quy định. (Chứng minh bằng danh mục các trang thiết bị đính kèm)

Оборудования и инструменты должны находиться в идеальном техническом состоянии и иметь все необходимые сертификаты проверки/калибровки в соответствии с действующими нормами. (подтверждавшие перечнем прикрепленного оборудования)

6.2. Vật tư tiêu hao do nhà thầu sử dụng trong quá trình thực hiện dịch vụ phải phù hợp với các hạng mục công việc, đúng chủng loại, chất lượng, được phép sử dụng theo quy định của pháp luật.

Расходные МТР, используемые подрядчиком в процессе оказания услуги, должны соответствовать видам работ, быть правильным по типу и качеству, а также быть разрешенным к использованию в соответствии с законодательством.

7. YÊU CẦU NĂNG LỰC ĐỐI VỚI NHÀ THẦU/ ТРЕБОВАНИЯ К ВОЗМОЖНОСТИ ПОДРЯДЧИКА:

7.1. Nhà thầu phải có giấy phép đăng ký hoạt động kinh doanh về công việc bảo dưỡng và sửa chữa tàu, thuyền.

Подрядчик должен иметь разрешение на деятельность по обслуживанию и ремонту судов, катеров и лодок.

7.2. Nhà thầu / liên doanh nhà thầu phải có hợp đồng chứng minh đã có kinh nghiệm và từng thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa cano cao tốc loại tương tự (sức chở, vùng hoạt động, công suất) trong vòng 3 năm gần đây.

Подрядчик/ подрядчик совместного предприятия должен иметь договор, подтверждающий, что имеет опыт и выполнял работы по техническому обслуживанию и ремонту судов и катера за последние 3 года.

7.3. Nhà thầu có nhân lực trình độ, tay nghề, kinh nghiệm phù hợp với công việc bảo dưỡng, sửa chữa cano:

Подрядчик должен иметь квалифицированных и опытных работников, для обслуживания и ремонта катера:

- Trưởng nhóm phải là kỹ sư chuyên ngành về điện tàu/ điện tự động hóa/ vỏ tàu/ máy tàu/ hàng hải có trên 3 năm kinh nghiệm trong công tác bảo dưỡng, sửa chữa tàu thuyền và phải có chứng chỉ an toàn nhóm 3 trở lên hoặc cam kết bổ sung chứng chỉ



an toàn nhóm 3 khi trúng thầu (*chứng minh bằng hồ sơ năng lực, bằng cấp, chứng chỉ có chứng thực đính kèm*).

Руководителем группы должен быть инженер, специализирующийся в области судового электрооборудования/ автоматизации/ корпуса судов/ корабельных двигателей/ морской деятельности, с более 3-летним опытом тех. обслуживания и ремонта судов и лодок, иметь сертификат безопасности 3-ей группы и выше или обязаться дополнить сертификат безопасности 3-ей группы при победе в тендере (подтверждается прилагаемыми заверенными документами, дипломами и сертификатами).

- Cán bộ phụ trách công tác đảm bảo chất lượng (QC-QA): phải là kỹ sư chuyên ngành về điện tàu/ điện tự động hóa/ vỏ tàu/ máy tàu/ hàng hải tối thiểu 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo dưỡng, sửa chữa tàu, thuyền (*chứng minh bằng hồ sơ năng lực, bằng cấp, chứng chỉ có chứng thực đính kèm*).

Сотрудником, отвечающим за обеспечение качества (QC-QA), должен быть инженер, специализирующийся в области электричества, автоматизации и механики, иметь не менее чем 2-летний Технический опыт обслуживания и ремонта кораблей и катеров (подтверждается прилагаемыми заверенными документами, дипломами и сертификатами).

- Nhân sự nhà thầu (Kỹ sư và công nhân) thực hiện công tác bảo dưỡng thay thế phần Máy, hệ truyền động (Hãng Vovlo marine) phải có chứng chỉ được huấn luyện đào tạo bởi hãng Volvo marine (còn thời hạn) / có xác nhận đã được huấn luyện bởi đại diện Hãng và được giám sát bởi đại diện Hãng khi thực hiện công việc (*chứng minh bằng hồ sơ đính kèm*).

Персонал подрядчика (инженеры и рабочие), выполняющий работы по техническому обслуживанию и замене узлов двигателя и трансмиссии (Volvo Marine), должен иметь действующие сертификаты о прохождении обучения у компании Volvo Marine / либо подтверждение о прохождении обучения у представителя компании, а также находиться под контролем представителя компании при выполнении работ (подтверждается прилагаемой документацией)

- Đội ngũ kỹ sư, công nhân thực hiện công việc phải là kỹ sư có chuyên môn phù hợp, công nhân lành nghề có bậc từ 3/7 trở lên (điện, điện tự động hóa, cơ khí, máy...) đã có kinh nghiệm trong công tác thi công, bảo dưỡng, sửa chữa tàu thuyền, cano cao tốc và phải có chứng chỉ an toàn nhóm 3 (*chứng minh bằng hồ sơ năng lực, bằng cấp, chứng chỉ có chứng thực đính kèm*).

Бригада, выполняющая работу, должна состоять из квалифицированных работников с разрядом 3/7 и выше (электричество, электрическая автоматизация, механика и т.д.) и с опытом работы по строительству, обслуживанию и ремонту судов и лодок и иметь сертификат безопасности 3-ой группы (подтверждается прилагаемыми заверенными документами, дипломами и сертификатами).



- Có nhân viên phụ trách giám sát an toàn, đảm bảo túc trực giám sát an toàn tại công trình, có kinh nghiệm tối thiểu 2 năm. Có chứng nhận huấn luyện ATVSLĐ nhóm 2 theo quy định của nghị định 44/2016/NĐ-CP.

Наличие работника, отвечающего за контроль по безопасности на объекте, с опытом работы не менее 2 лет. Сотрудник должен иметь сертификат безопасности 2-ой группы в соответствии с положениями Постановления 44/2016/НД-СР.

- Toàn bộ đội ngũ kỹ thuật thực hiện dịch vụ phải có chứng nhận đã được đào tạo về an toàn lao động theo quy định của nhà nước. Có chứng nhận huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 theo quy định của nghị định 44/2016/NĐ-CP và có đủ sức khỏe để thực hiện công việc.

Весь технический персонал, выполняющий услуги, должен иметь свидетельство о прохождении обучения по охране труда в соответствии с государственными правилами. Должен иметь сертификат безопасности 3-ей группы в соответствии с положениями Постановления 44/2016/НД-СР. И должен быть достаточно здоровым для выполнения работы.

- 7.4. Nhà thầu phải có khả năng điều động nhân sự trong vòng 48h khi có sự cố liên quan đến công việc sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị Cano trong thời gian bảo hành.

Подрядчик должен иметь возможность мобилизовать сотрудников в течение 48 часов при возникновении инцидента, связанного с ремонтом и обслуживанием оборудования Катера в течение гарантийного срока.

- 7.5. Nhà thầu phải có quy trình bảo dưỡng, sửa chữa, quy trình sơn chống ăn mòn, quy trình kiểm soát chất lượng quy trình đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường & phòng chống cháy nổ phù hợp với công việc dịch vụ.

Подрядчик должен иметь соответствующие технологические обслуживания и ремонта, нанесения антикоррозионного покрытия, обеспечения безопасности, Процесс контроля качества, процесса охраны окружающей среды и пожарной безопасности в соответствии для выполнения работ.

8. THỜI HẠN THỰC HIỆN DỊCH VỤ/ СРОК ВЫПОЛНЕНИЯ УСЛУГИ:

- 8.1. Thời gian thực hiện dịch vụ: Bắt đầu từ tháng 04/2025 (trong vòng **60** ngày làm việc, kể từ ngày bàn giao Ca nô cho đến ngày HAI BÊN ký biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng).

Срок выполнения услуги: С 04/2025 года (в течение 60 рабочих дней, с момента сдачи помещения до даты подписания ОБЕИМИ СТОРОНАМИ акта приемки и ввода в эксплуатацию).

9. TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU/ ОТВЕТСТВЕННОСТЬ ПОДРЯДЧИКА:

Nhà thầu cam kết thực hiện đầy đủ các trách nhiệm sau khi thực hiện dịch vụ/
Подрядчик обязуется полностью выполнить следующие обязанности при выполнении услуги:

- 9.1. Phối hợp với XNDV (Cảng trưởng VSP, Phòng KTVT) khảo sát, lập kế hoạch thực hiện công việc bảo dưỡng và sửa chữa ca nô để trình lãnh đạo XNDV phê duyệt.



Sовместно с ПОСОМ (начальником Морского Порта, МТО) обследовать и составить план проведения технического обслуживания и ремонта катера для представления руководству ПОСОМ на утверждение.

9.2. Lập bảng tiến độ thực hiện dịch vụ/ *Составить график выполнения услуги;*

9.3. Cung cấp danh mục các phương tiện, trang thiết bị dụng cụ phù hợp để thực hiện dịch vụ, ghi rõ tên gọi, số lượng, chủng loại, mục đích sử dụng và phải đảm bảo an toàn, còn trong thời hạn kiểm định/hiệu chuẩn...

Предоставить список подходящих средств, оборудования и инструментов для выполнения услуги с четким указанием наименования, количества, типа, цели использования; срок поверки/калибровки не истек.

9.4. Cung cấp danh mục vật tư chính và vật tư tiêu hao cho từng hạng mục công việc dịch vụ như danh mục đính kèm.

Предоставить список основных МТР и расходных МТР для каждого элемента работ как указано в прилагаемого списка.

9.5. Cung cấp các quy trình liên quan đến thực hiện dịch vụ như mục 7.5 yêu cầu kỹ thuật.

Предоставить процедуры для выполнения услугм как указано в п.7.5 технических требованиях.

9.6. Cung cấp danh sách các nhân sự tham gia thực hiện công việc dịch vụ, kèm theo chứng chỉ chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền cấp (bản copy có xác nhận của nhà thầu cung cấp dịch vụ).

Предоставить список персоналов, участвующих в выполнении услуги, Прилагается профессиональный сертификат, выданный компетентным органом (копия, заверенная поставщиком услуг);

9.7. Nhà thầu cam kết cung cấp giấy chứng nhận EPIRB, Radio Signal; giấy chứng nhận kiểm định phao bè cứu sinh; Đăng kiểm Ca nô do cơ quan có thẩm quyền hoặc đơn vị được ủy quyền cấp

Подрядчик обязуется предоставить сертификаты EPIRB и радиосигнала (Radio Signal); свидетельство о проверке спасательного плота; Регистрация катера выдается компетентным или уполномоченным органом.

9.8. Trước khi thực hiện công việc, Nhà thầu phải thông báo lịch làm việc cho Cảng trưởng VSP, tối thiểu trước 3 ngày làm việc.

До начала работ, подрядчик должен сообщить график работы, Начальнику Морского порта минимум за 3 дня до начала выполнения работ

9.9. Cùng với XNDV thực hiện các thủ tục hành chính và thủ tục cần thiết khác (giấy phép ra vào Cảng, Biên bản bàn giao mặt bằng, giấy phép sinh lửa nếu có, ...) phù hợp theo quy định để tiến hành công việc.

Совместно с ПОСОМ выполнять административные процедуры и другие необходимые процедуры (разрешение на проход в порт, акт передачи площадки, разрешение на огневые работы, пожарную безопасность и т. д.) В соответствии с правилами проведения работ.



9.10. Nhà thầu cam kết chấp hành nghiêm các nội quy, quy định về an toàn lao động của LD Việt-Nga Vietsovpetro.

Подрядчик обязуется строго соблюдать правила и нормы по охране труда СП Вьетсовпетро;

9.11. Thực hiện đầy đủ các hạng mục, nội dung công việc dịch vụ và đảm bảo chất lượng, tiến độ như danh mục công việc kèm theo.

Полностью выполнить все элементы услуги, а также обеспечить качество и прогресс работ, как указано в прилагаемом списке работ.

9.12. Đề xuất thương mại của Nhà thầu, phải bao gồm chào giá cung cấp dịch vụ và chào giá từng mục vật tư chính riêng lẻ trong danh mục vật tư kèm theo dịch vụ.

Коммерческое предложение Подрядчика должно содержать ценовое предложение на оказание услуг и ценовое предложение по каждой отдельной основной материальной позиции в перечне материалов, сопровождающих услуги.

10. TRÁCH NHIỆM CỦA VIETSOVPETRO/ ОТВЕТСТВЕННОСТЬ СП «ВЬЕТСОВПЕТРО»:

10.1. Hỗ trợ cho các nhà thầu những công việc sau/ *Поддерживать подрядчика по работе:*

- Cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan tới công việc bảo dưỡng, sửa chữa, Cano cao tốc (Catalogue, manual ...)

Предоставление документов, связанных с работой по обслуживанию и ремонту высокоскоростного катера (каталог, инструкция, руководство и т.д.).

- Phối hợp, tham gia cùng nhà thầu trong quá trình khảo sát và thực hiện mục 2.3 của YCKT. Lập biên bản bàn giao cano có xác nhận của đơn vị chủ quản.

Координировать и участвовать с подрядчиком в процессе исследования и реализации Пункта 2.3 Тех. Требования с составлением акта передачи катера, заверенного управляющим органом.

- Cung cấp các tài liệu về an toàn - bảo vệ môi trường: Quy định về quản lý ATSKMT đối với nhà thầu của LDVN Vietsovpetro (VSP-000-ATMT-448); Quy trình quản lý chất thải của LDVN Vietsovpetro (VSP-000-ATMT-435).

Предоставлять документацию по безопасности и охране окружающей среды: Положение об управлении безопасностью здоровья и охране окружающей среды для подрядчика СП Вьетсовпетро (VSP-000-ATMT-448); Положение об управлении отходами СП Вьетсовпетро (VSP-000-ATMT-435).

10.2. Giám sát và kiểm tra trong quá trình nhà thầu làm công tác dịch vụ/ *Контролировать процесс работы подрядчика:*

- Được quyền thực hiện việc kiểm tra, giám sát nhà thầu bất kỳ thời điểm hoặc giai đoạn nào của công việc dịch vụ.

Имеет право проверять и контролировать подрядчика в любое время или на любом этапе сервисных работ



- Có quyền tạm hoãn hoặc đình chỉ công việc của nhà thầu, khi nhận thấy các mối nguy hiểm không đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và vi phạm về bảo vệ môi trường.

Имеет право приостановить или остановить работу Подрядчика при возникновении опасностей, не гарантирующих безопасность людей, оборудования и охраны окружающей среды.

11. YÊU CẦU VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH CÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN MÔI TRƯỜNG / ТРЕБОВАНИЯ К ОХРАНЕ ТРУДА, ПРОМЫШЛЕННОЙ ГИГИЕНЕ И ОХРАНЕ ОКРУЖАЮЩЕЙ СРЕДЫ:

- 11.1. Nhà thầu phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về an toàn của Vietsovpetro; trong đó có “Quy định quản lý an toàn - sức khỏe – môi trường đối với các nhà thầu làm việc trên các công trình của Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro VSP-000-ATMT-448” và “Quy trình quản lý chất thải của Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro, VSP-000-ATMT-435).

Подрядчик должен полностью соблюдать требования безопасности «Вьетсовпетро»; в том числе «Положение об управлении безопасностью - охраной труда - окружающей средой для подрядчиков, работающих на проектах Вьетсовпетро VSP-000-ATMT-448» и Положением об управлении отходами СП Вьетсовпетро (VSP-000-ATMT-435).

- 11.2. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định, nội quy của XNDV, LDVN Vietsovpetro trong thời gian tiến hành công việc.

Строгое соблюдение норм и правил ПОСОМ, Вьетсовпетро при выполнении работ.

- 11.3. Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn khi làm việc trên cao và làm việc trong các không gian kín

Соблюдение мер безопасности при выполнении работ на высоте и в закрытых помещениях (резервуары, емкости).

- 11.4. Đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực làm việc; thực hiện phân loại và thu gom chất thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa; tuyệt đối không để chất thải (đặc biệt là chất thải nhiễm dầu mỡ, hóa chất) phát tán ra môi trường.

Обеспечить санитарные условия в рабочей зоне; классифицировать и собирать отходы, образующиеся в процессе обслуживания и ремонта; категорически не допускать попадания отходов (особенно загрязненных маслом, химреагентом) в окружающую среду.

12. YÊU CẦU VỀ TÀI LIỆU KỸ THUẬT/ ТРЕБОВАНИЯ Т ТЕХНИЧЕСКОЙ ДОКУМЕНТАЦИИ:

- 12.1. Yêu cầu về tài liệu/hồ sơ kỹ thuật cung cấp kèm theo khi chào thầu/ Требования к технической документации, предоставляемой в тендерном предложении:

- Hồ sơ năng lực của nhà thầu gồm: giấy phép hoạt động kinh doanh, năng lực, kinh nghiệm và các quy trình...liên quan đến thực hiện dịch vụ.

Профиль возможности подрядчика включает в себя: бизнес-лицензию, возможность, опыт и процедуры... связанные с выполнением услуги.

- Danh sách và hồ sơ năng lực của các nhân sự chủ chốt sẽ thực hiện dịch vụ kèm theo các chứng chỉ liên quan.

Список с профилями ключевых персоналов, участвующих в выполнении услуги и соответствующими сертификатами.

- Giải pháp kỹ thuật thực hiện dịch vụ/ *Техническое решение для реализации услуги*
- Danh mục trang thiết bị, dụng cụ huy động để thực hiện công việc dịch vụ, kèm theo các chứng chỉ hiệu chuẩn/kiểm định đối với các thiết bị, công cụ có yêu cầu.

Перечень оборудования и инструментов, мобилизованных для выполнения работ с сертификатами калибровки/поверки при необходимости

- Bảng tiến độ thực hiện dịch vụ.

График выполнения услуги.

12.2. Nhà thầu phải lập và cam kết cung cấp các tài liệu có xác nhận của người đại diện 2 bên khi kết thúc công việc như sau/ *Подрядчик обязан подготовить и гарантировать представление документов, заверенных представителями двух сторон по окончанию работ:*

- Biên bản xác nhận tình trạng hư hỏng kèm danh mục thiết bị cần sửa chữa.

Акт подтверждающий повреждения с перечнем оборудования, подлежащего ремонту.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc.

Акт приемки выполненных работ.

- Giấy chứng nhận đăng kiểm Cano cao tốc, chứng nhận Kiểm định phao bè cứu sinh, chứng chỉ EPIRB và chứng chỉ vô tuyến điện.

Сертификаты тех. осмотра высокоскоростного катера и спасательный плот, сертификат EPIRB и сертификат радиосвязи.

- Các tài liệu khác theo yêu cầu của hồ sơ hoàn công.

Иные документы, требуемые актом выполнения.

13. CHỨNG CHỈ CẦN THIẾT/ НЕОБХОДИМЫЕ СЕРТИФИКАТЫ:

Đối với vật tư thay thế cung cấp kèm theo dịch vụ/ *Для замены материалов, предоставляемых вместе с услугой:*

- Chứng chỉ xuất xứ C/O do cơ quan có thẩm quyền tại nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp: Bản bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu hoặc Bản sao y có công chứng của cơ quan có thẩm quyền.

Сертификат происхождения C/O, выданный компетентным органом в стране производства или стране-экспортере: - копия, заверенная импортером, или нотариально заверенная копия компетентного органа.

- Chứng chỉ chất lượng (C/Q) của nhà sản xuất (đối với hàng nhập khẩu) - Bản bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu hoặc Bản sao y có công chứng của cơ quan có thẩm quyền.



- Сертификат качества (C/Q) производителя (для импортируемых товаров)-
копия, заверенная импортером, или копия, заверенная компетентным органом*
- Đối công việc việc đăng kiểm và cấp chứng chỉ đăng kiểm: Theo như quy định của cơ quan có thẩm quyền cấp và phê duyệt
- Po работам по классификации и выдаче классификационных свидетельств: в соответствии с правилами уполномоченного органа по выдаче и утверждению*
- Chứng chỉ bảo hành: 12 tháng tính từ lúc lập biên bản nghiệm thu và được lãnh đạo XNDV phê duyệt.
- Гарантийный талон: 12 месяцев с даты составления акта приемки и утверждения руководителем ПОСОМ.*

14. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CÁC CHÀO HÀNG KỸ THUẬT /МЕТОДОЛОГИЯ ОЦЕНКИ ТЕХНИЧЕСКИХ ПРЕДЛОЖЕНИЙ:

Chào hàng kỹ thuật sẽ được đánh giá theo bảng chấm điểm các chào hàng kỹ thuật kèm theo.

Документы технического предложения оцениваются в соответствии с прилагаемой Таблицей БТ.

Thỏa thuận/ Согласовано:

- Phó phòng KTTB&VTCN
Зам. Начальника ОЭМФитТ СП

Signed by: Nguyễn Thắng
Date: 02/10/2025 12:07:42
Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Thắng

- Phó giám đốc - XNDV:
Зам. Директора ПОСОМ

Signed by: Nguyễn Thế Kim
Date: 02/10/2025 12:55:10
Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Thế Kim

Soạn thảo/ Разработали:

Các thành viên kỹ thuật đơn vị đặt hàng/ Технические члены подразделения заказчика:

- Cảng trưởng XNDV
Начальник Мор. Порта ПОСОМ

Signed by: Đỗ Gia Lương
Date: 02/10/2025 08:09:47
Certified by: Vietsovpetro CA

Đỗ Gia Lương

- Trưởng phòng KTVT XNDV
Начальник МТО ПОСОМ

Signed by: Hà Anh Việt
Date: 30/09/2025 17:20:06
Certified by: Vietsovpetro CA

Hà Anh Việt

- Cảng phó XNDV
Зам. Начальника МП ПОСОМ

Signed by: Trần Quang Vinh
Date: 01/10/2025 18:08:03
Certified by: Vietsovpetro CA

Trần Quang Vinh

- Kỹ sư phòng KTVT XNDV
Инженер МТО ПОСОМ

Signed by: Hà Xuân Phương
Date: 30/09/2025 15:00:29
Certified by: Vietsovpetro CA

Hà Xuân Phương

- KS phòng KTTB&VTCN
Инженер ОЭМФитТ СП

Signed by: Ngô Quang Hưng
Date: 02/10/2025 08:17:18
Certified by: Vietsovpetro CA

Ngô Quang Hưng

- Thuyền trưởng Canoe CB XNDV
Капитан катера МП ПОСОМ

Signed by: Nguyễn Công Văn
Date: 01/10/2025 06:51:43
Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Công Văn



DANH MỤC CÔNG VIỆC/ ПЕРЕЧЕНЬ РАБОТ
DỊCH VỤ: SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM CA NÔ CẢNG VSP 2025
ПО ЕЖЕГОДНОМУ ТЕХ. ОБСЛУЖИВАНИЮ И РЕМОНТУ ВЫСОКОСКОРОСТНОГО КАТЕРА
ПОРТА СП «ВЬЕТСОВПЕТРО» В 2025Г.

Engines – Twin Volvo D6-330A-F – 330hp
 Serial Number: A228619 và A236310

№ п/п	MAINTENANCE WORKS ТЕХ. ОБСЛУЖИВАНИЕ	Nội dung công việc Наименование работ	Ед. изм ĐVT	Số lượng Кол-во	Cung cấp vật tư Поставка материал ов	Nhà thầu Подрядчик
1	2	3	5	6		7
I	BẢO DƯỠNG VÀ SỬA CHỮA PHẦN VỎ/ ОБСЛУЖИВАНИЕ И РЕМОНТ		Gói Пакет	01		
1.	Đưa tàu lên đà <i>Постановка судна в док</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện XNDV cung cấp, nhà thầu giám sát, làm dây, kê nề, hao mòn vật tư - <i>Средства предоставляются СРЗ, подрядчик осуществляет надзор, выполняет крепление, установку кильблоков, а также учитывает износ материалов.</i> 	Tàu	1		<i>Cung cấp dịch vụ</i>
2.	Kiểm tra độ dày tôn vỏ <i>Проверка толщины обшивки корпуса</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Siêu âm và lập hồ sơ siêu âm trình chủ tàu, đăng kiểm (theo yêu cầu đăng kiểm) - <i>Ультразвуковая проверка и оформление протокола УЗК для предоставления судовладельцу и классификационному обществу (по требованию классификационного общества);</i> 	Tàu	1		<i>Cung cấp dịch vụ</i>
3.	Vệ sinh làm sạch thân vỏ <i>Очистка корпуса</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh, sơn bảo quản & sửa chữa; - Rửa nước ngọt toàn bộ cano và cạo hà làm sạch phần dưới mớn nước; 	Tàu	1		<i>Cung cấp dịch vụ</i>



		<p>100%);</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Okраска наружной поверхности рубки и флажтока в 3 слоя (1-й слой – 20%, 2-й слой – 50%, 3-й слой – 100%);</i> + <i>Okраска палубы в 3 слоя (1-й слой – 20%, 2-й слой – 50%, 3-й слой – 100%).</i> 				
5.	<p>Kẻ vẽ tên, ký hiệu và mực nước</p> <p><i>Нанесение названия судна, обозначений и осадочных марок</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Kẻ vẽ tên ký hiệu Ca nô, tên Cảng</i> - <i>Kẻ vẽ mực nước (chế độ không tải và có tải của cano)</i> - <i>Kẻ vẽ vòng tròn đăng kiểm</i> - <i>Нанесение на корпус названия катера и названия порта приписки</i> - <i>Нанесение ватерлинии (для порожнего и грузового положения катера)</i> - <i>Нанесение классного знака (круг классификационного общества)</i> 	Tàu	1		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
		<ul style="list-style-type: none"> - <i>Tháo và lắp kềm chống ăn mòn dưới thân cano. Sнятие и обработка нижней части корпуса катера устойчивым к коррозии краской на основе цинка</i> 	Cái ưт.	8		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
6.	<p>Kiểm tra bảo dưỡng hệ thống treo nâng hạ Cano: Kiểm tra, bảo dưỡng bôi mỡ cáp cầu canô, Kiểm tra thiết bị treo</p> <p><i>Проверка и обслуживание системы подъёмной подвески катера: проверка, обслуживание и смазка троса подъёма катера, проверка подвесного оборудования.</i></p>	<p>Kiểm tra bảo dưỡng hệ thống treo nâng hạ Cano: Kiểm tra, bảo dưỡng bôi mỡ cáp cầu canô, Kiểm tra thiết bị treo.</p> <p><i>Проверка и обслуживание системы подъёмной подвески катера: проверка, обслуживание и смазка троса подъёма катера, проверка подвесного оборудования.</i></p>	Hệ thống Cúc.	01		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>

7.	Hệ thống chữa cháy <i>Пожаротушащая система</i>	Thiết bị chữa cháy: Kiểm tra bình chữa cháy hệ thống chữa cháy tự động. Kiểm tra bình chữa cháy cầm tay CO2 và bình bột, hệ thống chữa cháy tự động CO2 tại buồng máy bên phải. <i>Оборудование для пожаротушения: проверка автоматической системы пожаротушения. Проверка переносных огнетушителей CO₂ и огнетушителей с порошком, автоматической системы пожаротушения CO₂ в правом машинном отделении.</i>	Bình Банка	06		<i>Сung cấp dịch vụ</i>
8.	Trang thiết bị cứu sinh <i>Система пожаротушения</i>	Các thiết bị cứu hộ, cứu nạn: Kiểm tra phao tròn, đèn, còi, phản quang <i>Пожарные и аварийно-спасательные оборудования: проверка буюв, личных спасательных жилетов, фонарей, рожков, отражателей</i>	Bộ Ком.	01		<i>Сung cấp dịch vụ</i>
9.	Cửa kín nước <i>Водонепроницаемая дверь</i>	Kiểm tra, sửa chữa làm kín mái che, các roăng làm kín cửa sổ, cửa ra vào và phần kết cấu cơ khí khác. <i>Проверка, ремонт и уплотнение крыши, уплотнителей окон, дверей и других механических конструкций</i>	Comp	01		<i>Сung cấp dịch vụ</i>
II	Bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế phụ tùng - vật tư tiêu hao cho phần động cơ DIESEL, truyền động và các thiết bị khác của Cano <i>Ехническое обслуживание, ремонт, замена запасных частей и расходных материалов для дизельного двигателя, трансмиссии и прочего оборудования катера</i>		Gói Пакет	01		
	Thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hạng mục hàng năm theo quy định của hãng sản xuất Volvo, kiểm tra bảo dưỡng đảm bảo tình trạng kỹ thuật thiết bị Theo danh mục khuyến cáo bảo dưỡng định kỳ hàng năm của Hãng volvo marine / đại diện Volvo marine có bao gồm nhưng không giới hạn: <i>Выполнение ежегодного регламентного обслуживания в соответствии с требованиями производителя Volvo, проверка и обслуживание для обеспечения технического состояния оборудования.</i>					

	<i>Согласно перечню ежегодных регламентных работ, рекомендованных Volvo Marine / представителем Volvo Marine, включая, но не ограничиваясь следующими пунктами:</i>					
1.	<i>Bộ tăng áp, kiểm tra / vệ sinh urboкомпрессор, проверка / очистка по мере необходимости.</i>	<i>Kiểm tra, làm sạch bộ tuốc bơm tăng áp khí nạp. Kiểm tra, làm sạch bộ tuốc bơm tăng áp khí nạp. Kiểm tra, làm sạch bộ tuốc bơm tăng áp khí nạp. Kiểm tra, làm sạch bộ tuốc bơm tăng áp khí nạp.</i>	<i>Cái шт.</i>	2		<i>Cung cấp dịch vụ</i>
2.	<i>Đ dây điều khiển hộp số Трос управления редуктором</i>	<i>Kiểm tra bảo dưỡng dây điều khiển máy chính Снятие и замена провода управления машиной (справого)</i>	<i>Bộ Ком.</i>	2		<i>Cung cấp dịch vụ</i>
3.	<i>Kiểm tra và điều chỉnh kim phun nhiên liệu Проверка и регулировка топливных форсунок</i>	<i>Kiểm tra và cân chỉnh kim phun nhiên liệu Проверка и регулировка форсунок топливной системы</i>	<i>Cây</i>	12		<i>Cung cấp dịch vụ</i>
4.	<i>Anốt kẽm, bộ trao đổi nhiệt dầu Цинковые аноды, масляный теплообменник</i>	<i>Tháo và thay mới kẽm chống ăn mòn sinh hàn dầu nhớt Снятие и замена новым антикоррозийным цинком в системе охлаждения масла</i>	<i>Cục шт.</i>	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
5.	<i>Kiểm tra phốt trục chân vịt Проверка уплотнения гребного вала</i>	<i>Tháo, bảo dưỡng, căn chỉnh, thay thế các gioăng (vòng đệm hoặc phốt) làm kín trục chân vịt. Bôi trơn then hoa trục chân vịt và các mối lắp (bắt buộc). Снятие, обслуживание, регулировка, замена уплотнений (прокладки или сальники), уплотняющие вал гребного винта. Смажьте звездочку вала гребного винта и шарниры (обязательно).</i>	<i>Cái шт.</i>	2		<i>Cung cấp dịch vụ</i>
6.	<i>Cảm biến nhiên liệu, cảm biến nước làm mát, cảm biến áp suất Датчик топлива, датчик охлаждающей жидкости, датчик давления</i>	<i>Kiểm tra bảo dưỡng các cảm biến: cảm biến nhiên liệu, cảm biến nước làm mát, cảm biến áp lực dầu nhớt. Проверьте и обслужите датчики: датчик топлива, датчик охлаждающей жидкости, датчик давления масла.</i>	<i>Cái Шт</i>	3		<i>Cung cấp dịch vụ</i>



7.	Quạt thông gió <i>Вентилятор</i>	Kiểm tra và bảo dưỡng 2 quạt thông gió của hầm máy. <i>Проверьте и обслужите два вентилятора машинного отделения.</i>	Cái <i>Шм</i>	2		<i>Cung cấp dịch vụ</i>
8.	Đường ống dầu thủy lực <i>Гидравлические маслопроводы</i>	Bổ sung dầu vào hệ thống, chạy thử hệ thống và kiểm tra sự rò rỉ dầu trên hệ thống. <i>Добавьте масло в систему, запустите систему и проверьте утечку масла в системе.</i>	Cái <i>Шм</i>	4		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
9.	Kiểm tra, thay thế dầu nhớt <i>Проверка, замена масла</i>	P/N: 24264738 Nhớt động cơ/ <i>Моторное масло</i>	Máy	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
10.	Kiểm tra, thay thế lọc dầu <i>Проверка, замена масляного фильтра</i>	Lọc nhớt chính/ <i>Основной масляный фильтр</i>	Cái <i>Шм</i>	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
11.	Kiểm tra, thay thế lọc dầu (bypass) <i>Проверка, замена масляного фильтра (байпас)</i>	P/N: 22030852 Lọc bypass	Cái <i>Шм</i>	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
12.	Kiểm tra, thay thế lọc nhiên liệu sơ cấp, lõi lọc <i>Проверка, замена топливного предварительного фильтра, фильтрующего элемента</i>	P/N: 22030848 Lọc sơ cấp nhiên liệu	Cái <i>Шм</i>	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
13.	Kiểm tra, thay thế lọc nhiên liệu tinh <i>Проверка, замена топливного тонкого фильтра</i>	P/N: 21718912 Lọc tinh nhiên liệu	Cái <i>Шм</i>	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
14.	Kiểm tra, thay thế bộ tách nhiên liệu <i>Проверка, замена топливного сепаратора</i>	P/N: 861014 Lõi lọc tách nước nhiên liệu	Cái <i>Шм</i>	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
15.	Kiểm tra, thay thế lọc gió <i>Проверка, замена воздушного фильтра</i>	P/N: 21702999 Lọc gió	Cái <i>Шм</i>	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
16.	Kiểm tra, thay thế anode	P/N: 838929	Cái	4		<i>Cung cấp dịch vụ</i>

	<i>Проверка, замена анода</i>	Kẽm chống ăn mòn	<i>III</i> m			<i>vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
17.	Kiểm tra, thay thế lọc thông hơi cacte <i>Проверка, замена фильтра вентиляции картера</i>	P/N: 3584145 Lọc khí cacte	Cái <i>III</i> m	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
18.	Kiểm tra, thay thế dầu hộp số <i>Проверка, замена масла редуктора</i>	P/N: 22479648 Nhớt hộp số (5L/can)	Đuôi	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
19.	Kiểm tra, thay thế dầu thủy lực <i>Проверка, замена гидравлического масла</i>	P/N: 22479650 Nhớt hộp số (1L/chai)	Đuôi	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
20.	Hydraulic oil <i>Проверка, замена гидравлического масла</i>	ATF Dầu thủy lực	Lần	1		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
21.	Kiểm tra, thay thế nhớt bôi trơn turbo <i>Масло для смазки турбокомпрессора</i>	P/N: 85108974 Nhớt bôi trơn turbo (250ml/tuýp)	Tuýp	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
22.	Kiểm tra, thay thế đai siết <i>Проверка, замена хомута</i>	P/N: 3817486 Đai siết	Cái <i>III</i> m	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
23.	Kiểm tra, thay thế phốt O-ring <i>Проверка, замена уплотнительного кольца (O-ring)</i>	P/N: 3583078 O-ring thân kim phun	Máy	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
24.	Kiểm tra, thay thế anode <i>Проверка, замена анода</i>	P/N: 838929 Kẽm ăn mòn khí nạp	Cái <i>III</i> m	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
25.	Kiểm tra, thay thế O-ring sinh hàn khí nạp <i>Проверка, замена уплотнительного кольца (O-ring) интеркулер</i>	P/N: 3838406 O-ring sinh hàn khí nạp	Máy	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>

26.	Bộ chia dầu thủy lực <i>Гидравлический распределитель масла</i>	P/N: 3818253 Bộ chia dầu thủy lực	Bộ	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
27.	Cảm biến vị trí góc trim <i>Датчик положения угла трима</i>	Service kit trim 3818189	Cái <i>Штм</i>	2	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
28.	Relay trim <i>Реле трима</i>	Relay trim 21767816	Cái <i>Штм</i>	4	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
29.	Cánh quạt chân vịt sau (4 cánh) <i>Задний гребной винт (4 лопасти)</i>	Propeller Rear / 23795442	Cái <i>Штм</i>	2	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
30.	Cánh quạt chân vịt sau (3 cánh) <i>Задний гребной винт (3 лопасти)</i>	Propeller Front / 23795432	Cái <i>Штм</i>	1	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
31.	Cảm biến nước trong nhiên liệu <i>Датчик воды в топливе</i>	Fuel sensor / 3808616	Cái <i>Штм</i>	2	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
32.	Cảm biến nhiệt độ nước làm mát <i>Датчик температуры охлаждающей воды</i>	Temperature coolant sensor / 1624368	Cái <i>Штм</i>	2	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
33.	Ống dầu thủy lực trước <i>Передняя гидравлическая масляная труба</i>	Tube front / 3862858	Cái <i>Штм</i>	2	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
34.	Ống dầu thủy lực sau <i>Задняя гидравлическая масляная труба</i>	Tube rear / 3862857	Cái <i>Штм</i>	2	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
35.	Vạc trượt xy lanh nâng hạ <i>Втулка цилиндра подъёма/опускания</i>	Bushing / 3862903	Cái <i>Штм</i>	4	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
36.	Phe chặn chốt cố định <i>Стопорное кольцо фиксатора</i>	Split pin / 967707	Cái <i>Штм</i>	12	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
37.	Khớp kết nối nhanh <i>Быстросъёмное соединение</i>	Quick coupling / 3588105	Cái <i>Штм</i>	1	XNDV cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
38.	Ống kim loại <i>Металлическая труба</i>	tube / 3807238	Cái <i>Штм</i>	1	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
39.	Khớp kết nối góc vuông <i>Элемент соединения под углом</i>	elbow / 3863252	Cái	1	XNDV	<i>Cung cấp dịch vụ</i>



	<i>Угловое соединение</i>		<i>III</i>		cung cấp	<i>vụ</i>
40.	Nắp <i>Крышка</i>	cap / 21757269	Cái <i>III</i>	1	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
41.	Vòng gioăng <i>Уплотнительное кольцо</i>	gasket / 21769163	Cái <i>III</i>	1	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
42.	Ống <i>Труба</i>	hose / 942754	Cái <i>III</i>	1	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
43.	Kẹp ống / hose clamp <i>Хомут</i>	978166	Cái <i>III</i>	2	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
44.	Đai siết ống dầu <i>Хомут масляной трубы</i>	Fuel line fittings / 961664	Cái <i>III</i>	3	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
45.	Đai siết ống cao su <i>Хомут резиновой трубы</i>	Rubber hoses / 961666	Cái <i>III</i>	2	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
46.	Cảm biến áp lực nhớt <i>Датчик давления масла</i>	pressure sensor / 22899626	Cái <i>III</i>	1	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
47.	Cụm van thủy lực vô lăng <i>Гидравлический клапанный блок рулевого управления</i>	22275071	Bộ	1	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
48.	Gioăng làm kín nắp nhớt hộp số <i>Уплотнительная прокладка крышки масла редуктора</i>	O-ring 949656	Cái <i>III</i>	2	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
49.	Bộ piston đóng số <i>Поршневой комплект переключения передач</i>	Gear shifter / 22273952	Bộ	2	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
50.	Đệm thanh đẩy piston / washer <i>Шайба толкателя поршня</i>	943111	Cái <i>III</i>	4	XNDV cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
51.	Split pin <i>Шплинт</i>	Phe chặn cố định	Cái <i>III</i>	6	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
52.	Hose clamp <i>Хомут</i>	Đai siết	Cái <i>III</i>	2	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
53.	Cảm biến nhiệt độ khí xả <i>Датчик температуры выхлопных газов</i>	Temperature sensor / 21673187	Cái <i>III</i>	2	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>

54.	Bình dẫn nở dầu thủy lực lái <i>Расширительный бак рулевой гидравлики</i>	Reservoir / 3863190	Cái <i>Шм</i>	1	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
55.	Cảm biến áp suất thanh rail <i>Датчик давления топливной рампы</i>		Cái <i>Шм</i>	2	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
56.	Cảm biến áp suất khí nạp <i>Датчик давления наддувочного воздуха</i>		Cái <i>Шм</i>	2	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
57.	Cảm biến tốc độ <i>Датчик частоты вращения (скорости)</i>		Cái <i>Шм</i>	2	XNDV cung cấp	<i>Cung cấp dịch vụ</i>
58.	Kẽm chống ăn mòn hộp số <i>Цинковый анод редуктора</i>		Cái <i>Шм</i>	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
59.	Kẽm chống ăn mòn transom <i>Цинковый анод транца</i>		Cái <i>Шм</i>	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
60.	Kẽm chống ăn mòn đường ống khí xả <i>Цинковый анод выхлопной трубы</i>		Cái <i>Шм</i>	2		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>
III	Bảo dưỡng, sửa chữa Hệ thống thiết bị điện, thiết bị thông tin liên lạc, điều hòa nhiệt độ và các trang thiết bị phụ trợ khác. <i>Техническое обслуживание и ремонт системы электрооборудования, средств связи, кондиционирования воздуха и другого вспомогательного оборудования</i>		Gói Pакет	01		
1.	Kiểm tra bảo dưỡng Bảng điện chính và hệ thống điện toàn tàu <i>Проверка и техническое обслуживание главного электроцита и всей электрической системы судна</i>	Vệ sinh, xịt rửa bằng dung dịch chuyên dụng, sấy khô, kiểm tra tình trạng hoạt động, khắc phục các lỗi (nếu có) <i>Clean, spray with specialized solution, dry, check operating status, fix errors (if any)</i>	Bộ	01		<i>Cung cấp dịch vụ kỹ thuật và vật tư tiêu hao</i>



2.	Bảo dưỡng kiểm tra hệ thống điều khiển máy lái, báo động máy chính (máy phải, máy trái) <i>Проверка и обслуживание системы управления рулевой машиной, сигнализации главного двигателя (правого и левого)</i>	Vệ sinh, xịt rửa bằng dung dịch chuyên dụng, sấy khô, kiểm tra tình trạng hoạt động, khắc phục các lỗi (nếu có), tinh chỉnh hệ thống theo thông số NSX <i>Clean, spray with specialized solution, dry, check operating status, fix errors (if any), adjust the system according to manufacturer's specifications.</i>	Bộ	02		<i>Cung cấp dịch vụ</i>
3.	Hệ thống báo động lacanh buồng máy và các kết <i>Система сигнализации осушения машинного отделения и топливных/балластных танков</i>	Vệ sinh, xịt rửa bằng dung dịch chuyên dụng, sấy khô, kiểm tra tình trạng hoạt động, khắc phục các lỗi (nếu có) <i>Clean, spray with specialized solution, dry, check operating status, fix errors (if any)</i>	Bộ	01		<i>Cung cấp dịch vụ</i>
4.	Máy phát điện cấp nguồn tải <i>Генератор питания нагрузки</i>	Kiểm tra đo điện trở cách điện, tháo động cơ điện tằm sấy nâng cao điện trở cách điện, thay mới chổi than, kiểm tra thay mới bạc đạn nếu cần, lắp lại thử bàn giao. <i>Проверка и измерение сопротивления изоляции, снятие электродвигателей и улучшение сопротивления изоляции путем пропитки и сушки, замена щеток, проверка и замена подшипников при необходимости, установка и передача</i>	Cái <i>шт.</i>	01		<i>Cung cấp dịch vụ</i>
5.	Máy phát nạp ắc quy <i>Генератор зарядки аккумулятора</i>	Kiểm tra đo điện trở cách điện, tháo Dinamo tằm sấy nâng cao điện trở cách điện, thay mới chổi than, kiểm tra thay mới bạc đạn nếu cần, lắp lại thử bàn giao. <i>Измерение сопротивления изоляции, снятие генератора (Dinamo), улучшение сопротивления изоляции путем пропитки и сушки, замена щеток, проверка и замена подшипников при необходимости, установка и передача</i>	Cái <i>шт.</i>	01		<i>Cung cấp dịch vụ</i>



6.	Động cơ khởi động máy chính <i>Стартерный двигатель</i>	Kiểm tra đo điện trở cách điện, tháo đề khởi động, tẩy sơn nâng cao điện trở cách điện, thay mới chổi than, kiểm tra thay mới bạc đạn nếu cần, lắp lại thử bàn giao. <i>Измерение сопротивления изоляции, снятие пусковой системы двигателя, улучшение сопротивления изоляции путем пропитки и сушки, замена щеток, проверка и замена подшипников при необходимости, установка и передача</i>	Cái <i>шт.</i>	01		<i>Сung cấp dịch vụ</i>
7.	Hệ thống ắc quy (Ắc quy, Bộ nạp) <i>Аккумуляторная система (аккумуляторы, зарядное устройство)</i>	Kiểm tra, lau chùi các bản cực, bản mạch, tỷ trọng dung dịch, siết chặt bu lông các đầu bọp ắc quy, thay cầu chì cho bộ nạp Ắc quy (nếu hư hỏng) Buss 175A-58V; 250A-58V. <i>Проверка и очистка полюсов, плат, плотности раствора, затягивание болтов на наконечниках аккумулятора, замена предохранителя в зарядном устройстве Buss 175A-58B; 250A-58B</i>	Hệ thống <i>Сис.</i>	01		<i>Сung cấp dịch vụ</i>
8.	Hệ thống bảng điều khiển <i>Система панели управления</i>	Kiểm tra, lau chùi, siết chặt bu lông các đầu nối dây <i>Проверка, очистка и затягивание болтов в разъемах провода</i>	Hệ thống <i>Сис.</i>	01		<i>Сung cấp dịch vụ</i>
		Kiểm tra hệ thống inverter chuyển đổi nguồn. <i>Проверка инверторной системы питания</i>	Hệ thống <i>Сис.</i>	01		<i>Сung cấp dịch vụ</i>
9.	Hệ thống chiếu sáng <i>Осветительная система</i>	Hệ thống điện chiếu sáng: Thay mới đèn chiếu sáng phòng, đèn kín nước hàng hải, ổ cắm kín nước, phích cắm kín nước, công tắc kín nước; ổ cắm phòng, công tắc phòng (nếu hư hỏng) <i>Система освещения: Замена комнатных ламп, водонепроницаемых светильников на катере, водонепроницаемых розеток, вилок, выключателей; розеток, выключателей в каюте при наличии повреждения</i>	Hệ thống <i>Сис.</i>	01		<i>Сung cấp dịch vụ</i>



10.	Radar <i>Радар</i>	Ra đa: Kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chỉnh hướng chỉ thị theo hướng mũi tàu hoặc thay mới trong trường hợp XNDV có thiết bị thay thế. <i>Радар: проверка, регулировка экрана отображения, направление в носовую сторону движения катера.</i>	Cái <i>шт.</i>	01		<i>Сung cấp dịch vụ</i>
11.	GPS/GPS	Máy định vị: Tháo kiểm tra, vệ sinh, lắp lại, hiệu chỉnh thử. <i>Локатор: снятие для осмотра, очистка, ремонт, исправление размытости экрана, переустановка и регулировка, если не допускается, то заменить новым.</i>	Cái <i>шт.</i>	02		<i>Сung cấp dịch vụ</i>
12.	Máy đo sâu hồi âm <i>Эхолот</i>	Máy đo sâu: kiểm tra bảo dưỡng. <i>Глубиномер: проверка, обслуживание.</i>	Cái <i>шт.</i>	01		<i>Сung cấp dịch vụ</i>
13.	VHF, DSC, Wakie Talkie	Bảo dưỡng hệ thống ăng ten thu, phát; sứ cách điện, kiểm tra tín hiệu thu phát, hiệu chỉnh máy. <i>Обслуживаниеприемо-передающей антенной системы; изоляторы, проверка приемо-передающего сигнала, регулировка</i>	Hệ thống <i>Сис.</i>	01		<i>Сung cấp dịch vụ</i>
14.	EPIRB, VTĐ(Radio Signal)	Kiểm tra test EPIRB, thay pin nếu hết hạn năm 01 lần. Test các máy móc VTĐ. có giấy chứng nhận. <i>Провести тест EPIRB, замена батарей, если срок батарей истекает раз в год. Проверка радиооборудования с выпуском сертификата.</i>	Cái <i>шт.</i>	01		<i>Сung cấp dịch vụ</i>
15.	Drive belts, belt tensioner and idler wheels. <i>Приводные ремни, натяжитель ремня и направляющие ролики</i>	Kiểm tra đo điện trở cách điện, sửa chữa, tẩm sấy nâng cao điện trở cách điện động cơ lai máy nén lạnh điều hòa. <i>Проверка, измерение сопротивления изоляции, ремонт и повышение сопротивления изоляции компрессора двигателя кондиционера, путем пропитки и сушки</i>	Cái <i>шт.</i>	1		<i>Сung cấp dịch vụ</i>
16.	Hệ thống điều hòa không khí <i>Система кондиционирования воздуха</i>	Vệ sinh bầu ngưng, thử kín và nạp ga bổ xung <i>Очистка конденсатора, проверка системы на герметичность, дополнительная заправка газом</i>	Hệ thống <i>Сис.</i>	1		<i>Сung cấp dịch vụ</i>

						vụ
17.	Bơm nhà vệ sinh, bơm gió <i>Насос системы туалета, воздушный насос</i>	Kiểm tra vệ sinh chạy thử bơm hút chân không của hệ thống bồn cầu (phao) <i>Проверка, очистка и запуск вакуумного насоса туалетной системы</i>	Cái <i>шт.</i>	02		Cung cấp dịch vụ
18.	Kiểm tra, thử nghiệm, vệ sinh <i>Проверка, испытание, очистка</i>	Kiểm tra vệ sinh test role báo lacanh <i>Проверка, очистка и тестирование роли</i>	Cái <i>шт.</i>	01		Cung cấp dịch vụ
19.	Cần gạt nước <i>Стеклоочиститель</i>	Kiểm tra bảo dưỡng <i>Техническое обслуживание и проверка</i>	Bộ	04		Cung cấp dịch vụ
20.	Trang thiết bị an toàn <i>Спасательное оборудование</i>	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống tín hiệu báo cháy: kiểm tra cảm biến nhiệt, cảm biến khói, thử hệ thống, thay các cảm biến bị hỏng. <i>Проверка и обслуживание пожарной сигнализации: проверка датчика тепла, датчика дыма, тест системы и замена сломанных датчиков</i>	Hệ thống <i>Сис.</i>	01		Cung cấp dịch vụ
IV	Vận hành chạy thử, cấp giấy Đăng kiểm cano, kiểm định cho Liferaft và các trang thiết bị khác (EPIRB, Radio Signal...)/ <i>Проведение испытаний на ходу, получение свидетельства Регистра на катер, освидетельствование спасательных плотов и другого оборудования (EPIRB, радиосигналы и др.)</i>		Gói Pакет	01		
1.	Chạy thử hoạt động cano/ <i>Испытательный пуск катера</i>	Chạy thử Tàu trước và sau khi bàn giao (Thời gian 5h, nhân công, vật tư tiêu hao...) <i>Провести пробный пуск до и после приема работ. Временем пробного пуска: в 5 часов, материалы, рабочую силу и т.д.</i>	Lần <i>Раз</i>	01		Cung cấp dịch vụ
2.	EPIRB, Radio Signal	Cấp giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền. <i>Выдача сертификата компетентным органом.</i>	Gói <i>Пакет</i>	01		Cung cấp dịch vụ
3.	Liferaft/ <i>Спасательный плот</i>	Thuê dịch vụ cấp giấy chứng nhận kiểm định phao bè cứu sinh của đơn vị được ủy quyền theo quy định VR <i>Выдача сертификатов тех. осмотра спасательных плотов от компетентного</i>	Gói <i>Пакет</i>	01		Cung cấp dịch vụ



		<i>органа.</i>				
4.	Thủ tục Đăng kiểm Canô hàng năm/ <i>Тех. осмотр катера</i>		Gói Pакет	01		<i>Cung cấp dịch vụ</i>

Thỏa thuận/ Согласовано:

- Phó phòng KTTB&VTCN
Зам. Начальника ОЭМФитТ СП

Signed by: Nguyễn Thắng
Date: 02/10/2025 12:07:42
Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Thắng

- Phó giám đốc - XNDV:

Зам. Директора ПОСОМ

Signed by: Nguyễn Thế Kim
Date: 02/10/2025 12:55:10
Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Thế Kim

Soạn thảo/ Разработали:

Các thành viên kỹ thuật đơn vị đặt hàng/ Технические члены подразделения

заказчика:

- Cảng trưởng XNDV
Начальник Мор. Порта ПОСОМ

Signed by: Đỗ Gia Lương
Date: 02/10/2025 08:09:47
Certified by: Vietsovpetro CA

Đỗ Gia Lương

- Trưởng phòng KTVT XNDV
Начальник МТО ПОСОМ

Signed by: Hà Anh Việt
Date: 30/09/2025 17:20:06
Certified by: Vietsovpetro CA

Hà Anh Việt

- Cảng phó XNDV
Зам. Начальника МП ПОСОМ

Signed by: Trần Quang Vinh
Date: 01/10/2025 18:08:03
Certified by: Vietsovpetro CA

Trần Quang Vinh

- Kỹ sư phòng KTVT XNDV
Инженер МТО ПОСОМ

Signed by: Hà Xuân Phương
Date: 30/09/2025 15:00:29
Certified by: Vietsovpetro CA

Hà Xuân Phương

- KS phòng KTTB&VTCN
Инженер ОЭМФитТ СП

Signed by: Ngô Quang Hưng
Date: 02/10/2025 08:17:18
Certified by: Vietsovpetro CA

Ngô Quang Hưng

- Thuyền trưởng Canoe CB XNDV
Капитан катера МП ПОСОМ

Signed by: Nguyễn Công Văn
Date: 01/10/2025 06:51:43
Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Công Văn



LIÊN DOANH VIỆT-NGA "VIETSOVPETRO"

Xi Nghiệp Dịch Vụ - ПООСОМ

“PHÊ DUYỆT-UTVERЖДАЮ”
Phó Tổng Giám đốc Vật tư
Зам. Ген. Директора по МТСиТТ

Signed by: Яковенко Евгений
Владимирович
Date: 22.10.2025 13:10:31
Certified by: Vietsovetro CA
Яковенко Е.В

BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CÁC CHÀO HÀNG KỸ THUẬT
CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO DƯỠNG VÀ SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM CÁN CAO TỐC – NĂM 2025
«БТ» ДЛЯ ТЕНДЕРНЫХ ПРЕДЛОЖЕНИЙ ПО ПРЕДОСТАВЛЕНИЮ ТЕХНИЧЕСКИХ УСЛУГ
ТЕХНИЧЕСКОМУ ОБСЛУЖИВАНИЮ И РЕМОНТУ ВЫСОКОСКОРОСТНОГО КАТЕРА – 2025г.

Đề xuất đấu thầu sẽ được đánh giá qua 2 bước/ Тендерные предложения будут оцениваться в 2 этапа:

Bước 1: Đánh giá việc tuân thủ các điều kiện tiên quyết:

Этап 1: Оценка соответствия с дисквалифицированными условиями:

STT п/п	Tiêu chí Критерии	Đánh giá Đạt/Không đạt Оценка Удовлетворительно/ Неудовлетворительно	Ghi chú Примечание
1	Nhà thầu phải có giấy phép đăng ký hoạt động kinh doanh về công việc bảo dưỡng và sửa chữa tàu, thuyền. Подрядчик должен иметь лицензию на бизнеса по обслуживанию и ремонту судов, катеров и лодок.	Đạt/Không đạt Удовл./ Неудовл	
2	Nhà thầu có quy trình sửa chữa, bảo dưỡng ca nô cao tốc Подрядчик имеет у изготовления, ремонта катера	Đạt/Không đạt Удовл./ Неудовл	



		1.2.2		Không cam kết thực hiện đầy đủ hoặc không đúng theo yêu cầu/ Не привержены полной реализации или не соответствуют требованиям			0	
	1.3		Thời hạn bảo hành dịch vụ (пункту 2.7 Технических требований) Срок гарантии услуг				30	
		1.3.1		12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu giữa các bên. 12 месяцев с даты подписания акта приемки между сторонами			100	
		1.3.2		Nhà thầu không cam kết hoặc đề xuất theo như yêu cầu Подрядчик не берет на себя обязательств и не предлагает в соответствии с запросом			0	
2			CÁC TIÊU CHUẨN/ СТАНДАРТЫ:		5			
	2.1		Tiêu chuẩn chất lượng/ Стандарты качества:				100	
		2.1.1		Nhà thầu cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng để thực hiện dịch vụ: Подрядчик обязуется соблюдать стандарты качества при выполнении услуги: - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu biển QCVN 42:2015/BGTVT. Национальный технический регламент по судовому оборудованию для обеспечения безопасности QCVN 42:2015/BGTVT. - Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện nội thủy nội địa Việt Nam: thông tư số: 48/2015/TT-BGTVT Циркуляр, регулирующий регистрацию транспортных средств внутреннего водного транспорта во Вьетнаме: Циркуляр № 48/2015/TT-BGTVT			100	
		2.1.2		Nhà thầu không cam kết Подрядчик не обязуется			0	

3			YÊU CẦU ĐỐI VỚI VẬT TƯ CHÍNH CUNG CẤP KÈM THEO DỊCH VỤ ТРЕБОВАНИЯ К ОБОРУДОВАНИЮ, МАТЕРИАЛАМ И ЗАПЧАСТЯМ, НЕОБХОДИМЫМ ДЛЯ ВЫПОЛНЕНИЯ УСЛУГ	20			
	3.1		Cung cấp danh mục vật tư chính cần thay thế/ Список МТР, которые необходимо заменить		20		
		3.1.1	Nhà thầu cung cấp danh mục vật tư cần thay thế theo từng hạng mục công việc dịch vụ. Подрядчик готовит список МТР, которые необходимо заменить для каждого элемента работ			100	
		3.1.2	Sai lệch nhỏ, trong phạm vi cho phép Небольшое отклонение но в пределах допустимого диапазона			60 - 90	
		3.1.3	Danh mục không đầy đủ theo yêu cầu. Перечень не полный в соответствии с требованиями			0	
	3.2		Yêu cầu thông số kỹ thuật chính/ Основные технические требования:		40		
		3.2.1	Đáp ứng hoàn toàn theo YCKT (danh mục công việc) Полностью соответствует требованиям ТТ (Перечень работ)			100	
		3.2.1	Sai lệch nhỏ, trong phạm vi cho phép Небольшое отклонение но в пределах допустимого диапазона			60 - 90	
		3.2.1	Không phù hợp Не соответствует			0	
	3.3		Yêu cầu về chất lượng hàng hóa/ Требования к качеству товара:		20		
		3.3.1	Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, được sản xuất không trước quý 1 năm 2024; МТР 100% новые, не использовалась, произведены не ранее квартала 2024 года.			100	



		3.3.2		Hàng hóa phục hồi, đã qua sử dụng hoặc không đề xuất Товары бывшие в употреблении и восстановленные или не предлагает			0	
	3.4		Yêu cầu quy trình bảo dưỡng, sửa chữa/ процесс технического обслуживания и ремонта				20	
		3.4.1		Cung cấp các quy trình liên quan đến thực hiện dịch vụ như mục 7.5 yêu cầu kỹ thuật. Предоставить процедуры для выполнения услугм как указано в п.7.5 технических требованиях			100	
				Đáp ứng không đầy đủ theo mục 7.5 trong YCKT, nhưng chấp nhận được Соответствовать не полному пункту 7.5 тех. требования, но допустимо			50÷90	
		3.4.2		Nhà thầu không đề xuất. Подрядчик не предлагает			0	
4			YÊU CẦU CƠ BẢN ĐỐI VỚI THIẾT BỊ, DỤNG CỤ ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ/ ОСНОВНЫЕ ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ К ОБОРУДОВАНИЮ, ИНСТРУМЕНТЫ И МАТЕРИАЛАМ ДЛЯ ВЫПОЛНЕНИЯ УСЛУГ		5			
	4.1		Thiết bị, dụng cụ/ Оборудования, инструменты:				60	
		4.1.1		Có danh sách thiết bị, dụng cụ (kèm đầy đủ các giấy chứng chỉ thử nghiệm hoặc kiểm định hoặc đăng kiểm (còn hiệu lực). Иметь список оборудования и инструментов (с полными сертификатами испытаний, проверок или регистрации (действительными).			100	
		4.1.2		Không hoàn toàn đáp ứng nhưng vẫn đủ điều kiện thực hiện dịch vụ. Не полностью в соответствии с требованиями, но все еще можно выполнения услуги			50÷90	

		4.1.3		Nhà thầu không đề xuất. Подрядчик не предлагает			0	
	4.2		Đối với vật tư tiêu hao/ Расходные материалы:				40	
		4.2.1		Nhà thầu đề xuất hoặc cam kết sử dụng mọi vật tư tiêu hao để thực hiện dịch vụ phù hợp theo mục 4 và 6.2 của YCKT Подрядчик предлагает или обязуется использовать все расходные материалы для выполнения услуги согласно пункту 4 и 6.2 Технических требований			100	
		4.2.2		Nhà thầu không đề xuất hoặc không cam kết Подрядчик не предлагает и не обязуется			0	
5			YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÀ THẦU/ ТРЕБОВАНИЯ К ПОДРЯДЧИКУ		20			
	5.1		Yêu cầu về năng lực sau khi hoàn thành dịch vụ. Требования к компетентности после завершения услуги.				10	
		5.1.1		Nhà thầu phải có khả năng điều động nhân sự trong vòng 48h khi có sự cố liên quan đến công việc sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị Cano trong thời gian bảo hành. Подрядчик должен иметь возможность мобилизовать сотрудников в течение 48 часов при возникновении инцидента, связанного с ремонтом и обслуживанием оборудования Катера в течение гарантийного срока.			100	
		5.1.2		Không phù hợp Не в соответствии с требованиями			0	
	5.2		Yêu cầu về kinh nghiệm cung cấp dịch vụ tương tự Опыт оказания аналогичных услуг				20	



		5.2.1		Trong vòng 03 năm gần nhất có ít nhất 02 hợp đồng về bảo dưỡng, sửa chữa cano cao tốc За последние 03 года было заключено как минимум 02 контракта что имеет опыт и выполнял работы по техническому обслуживанию и ремонту судов и катера			100	
		5.2.2		Trong vòng 03 năm gần nhất có ít nhất 01 hợp đồng về bảo dưỡng, sửa chữa cano cao tốc За последние 03 года было заключено как минимум 01 контракта что имеет опыт и выполнял работы по техническому обслуживанию и ремонту судов и катера			50	
		5.2.3		Không đề xuất hợp đồng nào Контракт не предложен			0	R
	5.3		Yêu cầu về nhân sự tham gia cung cấp dịch vụ (mục 7.3 - YCKT) Требования к персоналу подрядчиков, участвующему в оказании услуг			50		
		5.3.1		Đáp ứng hoàn toàn Полностью в соответствии с требованиями			100	
		5.3.2		Không đáp ứng Не в соответствии с требованиями			0	R
	5.4		Yêu cầu về các quy trình Требования к процессам			20		
		5.4.1		Đáp ứng hoàn toàn mục 7.5 như yêu cầu Полностью соответствует требованиям раздела 7.5.			100	
		5.4.2		Không hoàn toàn đáp ứng nhưng vẫn đủ điều kiện thực hiện dịch vụ Не полностью в соответствии с требованиями, но все еще можно выполнения услуги			60÷90	



	9.1		Yêu cầu về tài liệu kỹ thuật trong HSCT Требования к технической документации в тендерном предложении		50		
		9.1.1		Đáp ứng hoàn toàn mục 12.1 trong YCKT Соответствовать полному пункту 12.1 тех. требования			100
		9.1.2		Đáp ứng không đầy đủ theo mục 12.1 trong YCKT, nhưng chấp nhận được Соответствовать не полному пункту 12.1 тех. требования, но допустимо			10÷90
		9.1.3		Không đáp ứng Не в соответствии с требованиями			0
	9.2		Yêu cầu về tài liệu kỹ thuật sau khi hoàn thành công việc Требования к технической документации после завершения работы		50		
		9.2.1		Đáp ứng hoàn toàn mục 12.2 trong YCKT Соответствовать полному пункту 12.2 тех. требования			100
		9.2.2		Không cam kết 1 hoặc một số loại chứng chỉ Не обязуется к одному или нескольким типам сертификатов.			0
10			CHỨNG CHỈ/ СЕРТИФИКАЦИЯ:		5		
	10.1			Đáp ứng hoàn toàn mục 13 trong YCKT Соответствовать полному пункту 13 тех. требования			100
	10.2			Không cam kết 1 hoặc một số loại chứng chỉ Не обязуется к одному или нескольким типам сертификатов.			0
Tổng điểm đánh giá/ Общий балл					100		



Ghi chú: Mỗi ý lớn trừ 20%; Mỗi ý nhỏ trừ 10%

Примечание: минус 20%, каждая маленькая ошибка: минус 10%

ĐÁNH GIÁ/ОЦЕНКА:

1. Chào hàng được đánh giá ĐẠT YCKT khi được đánh giá không vi phạm điều kiện tiên quyết, không có bất kỳ tiêu chí nào được đánh giá 0 điểm và có tổng số điểm ≥ 80 điểm.

Предложение оценивается как УДОВ, если оно не нарушает ни одного из дисквалифицированных критериев без каких-либо критериев оценивается «0» и имеет общий балл ≥ 80 баллов.

2. Chào hàng đánh giá KHÔNG ĐẠT YCKT khi vi phạm bất kỳ điều kiện tiên quyết nào và/ hoặc bất kỳ tiêu chí nào được đánh giá 0 điểm và có tổng số điểm < 80 điểm.

Предложение оценивается как НЕ УДОВ. если оно нарушает любой из дисквалифицированных условий или присутствует критерия с оценкой «0» и имеет общий балл < 80 баллов.

Thỏa thuận/ Согласовано:

- Phó P. KTTB&VTCN

Zam. Начальника ОЭМФиТТ СП

Signed by: Nguyễn Thắng
Date: 02/10/2025 12:07:45
Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Thắng

- Phó giám đốc - XNDV:

Zam. Директора ПОСОМ

Signed by: Nguyễn Thế Kim
Date: 02/10/2025 12:55:13
Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Thế Kim

Soan thảo/ Разработали:

Các thành viên kỹ thuật đơn vị đặt hàng/ Технические члены подразделения заказчика

- Cảng trưởng XNDV:

Nhà trưởng Мор. Порта ПОСОМ

Signed by: Đỗ Gia Lương
Date: 02/10/2025 08:09:49
Certified by: Vietsovpetro CA

Đỗ Gia Lương

- Trưởng phòng KTVT:

Nhà trưởng МТО ПОСОМ

Signed by: Hà Anh Việt
Date: 30/09/2025 17:20:07
Certified by: Vietsovpetro CA

Hà Anh Việt



- Cảng phó XNDV:
Зам. Начальника Мор. Порта

Signed by: Trần Quang Vinh
Date: 01/10/2025 18:08:05
Certified by: Vietsovpetro CA

Trần Quang Vinh

- KS phòng KTTB&VTCN
Специалист ОЭМФиТТ СП

Signed by: Ngô Quang Hung
Date: 02/10/2025 08:17:20
Certified by: Vietsovpetro CA

Ngô Quang Hung

- Kỹ sư phòng KTVT XNDV:
Инженер МТО ПОСОМ

Signed by: Hà Xuân Phương
Date: 30/09/2025 15:00:30
Certified by: Vietsovpetro CA

Hà Xuân Phương

- Kỹ sư Cảng biển XNDV
Инженер Мор. порта ПОСОМ

Signed by: Nguyễn Công Văn
Date: 01/10/2025 06:51:44
Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Công Văn

